|  |  |
| --- | --- |
| ***Tuần: 1 Tiết: 1***  ***Ngày soạn:*** | **CHƯƠNG 1: TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP ĐẠI CƯƠNG**  **Bài 2**  **KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG** |

**I. Mục tiêu bài học:**

Giúp học sinh

- Biết được mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.

- Biết được nội dung của các thí nghiệm so sánh giống, kiểm tra kỹ thuật, sản xuất quảng cáo trong hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng.

**II. Phương pháp - phượng tiện dạy học**:

1. Phương pháp: Hỏi đáp + diễn giảng
2. Phương tiện: giáo án, sách giáo khoa

**III. Nội dung và tiến trình dạy học**:

**1.** **Ổn định lớp + Kiểm tra sĩ số**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

+ Hãy nêu vai trò của ngành nông, lâm ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân..

+ nêu những thành tựu và hạn chế của ngành nông lâm ngư nghiệp của nước ta hiện nay. Cho ví dụ minh hoạ.

**3. Giảng bài mới**

Khi nào thì giống mới được công nhận và và đưa vào sản xuất đại trà? Khi đã được khảo nghiệm bằng các cuộc thí nghiệm do các cơ quan nhà nước như công ty giống cây trồng trung ương và được cơ quan tiêu chuẩn và đo lường chất lượng Quốc gia công nhận, vậy khảo nghiệm giống cây trồng được thức hiện như thế nào, chúng sẽ nghiên cứu trong bài học hôm nay.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I.** **Mục đích ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng:**  - **Mục đích**: Giúp ta đánh giá khách quan chính xác đặc điểm của giống để có thể công nhận kịp thời đưa vào hệ thống luân canh của khu vực.  - **Ý nghĩa**: Xác định những yêu cầu kỹ thuật của giống và hướng sử dụng giống để khai thác tối đa hiệu quả của giống. | **Hoạt động 1: Tìm hiểu mục đích ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng:**  - Vì sao phải khảo nghiệm giống cây trồng?  - các tính trạng và đặc điểm của cây trồng: Năng suất và chất lượng, khả năng chống chịu... do gen biểu hiện dưới tác động của môi trường. Ở những điều kiện khác nhau 🡪 biến đổi +  - Nếu đưa giống mới vào sản xuất đại trà không qua khảo nghiệm, kết quả sẽ như thế nào?  - Vậy khảo nghiệm giống mang ý nghĩa gì? | - Để đánh giá đặc điểm giống có phù hợp với điều kiện tự nhiên, với hệ thống luân canh của vùng sản xuất hay không.  - Có thể tốt, thường không hiệu quả vì không thích hợp với điều kiện đất đai, không có qui trình kỹ thuật |
| **II. Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.**  ***1. Thí nghiệm so sánh giống:***  - **Mục đích**: Xác định giống mới có những tính ưu việt gì.  - So sánh toàn diện về các chỉ tiêu:  + Sinh trưởng, phát triển  + Chất lượng sản xuất.  + Năng suất.  + Khả năng chống chịu.  ***2. Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật***:  - **Mục đích:** Nhằm kiểm tra những đề xuất của cơ quan chọn tạo giống để xây dựng quy trình kỹ thuật, chuẩn bị cho sản xuất đại trà.  - Được tiến hành trong mạng lưới khảo nghiệm quốc gia nhằm xác định thời vụ, mật độ gieo trồng, chế độ phân bón của giống... để đưa ra sản xuất đại trà.  ***3. Thí nghiệm sản xuất quảng cáo****:*  - Mục đích để tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà.  - Giống mới được triển khai trên diện tích rộng lớn. Trong thời gian làm thí nghiệm cần tổ chức hội nghị đầu bờ đồng thời quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. | **Hoạt động 2: Tìm hiểu các loại thí nghiệm, khảo nghiệm giống cây trồng.**  - Giống mới được bố trí so sánh với giống nào? nhằm mục đích gì?  - Khi so sánh giống cần chú ý các chỉ tiêu gì?  - Nếu kết quả so sánh thấy giống mới vượt trội thì gửi đến trung tâm khảo nghiệm Giống Quốc gia để tiếp tục khảo nghiệm trên toàn quốc bằng thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật.  - Mục đích của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật là gì?  - Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật được tiến hành trong phạm vi nào?  - Qua các thí nghiệm khảo nghiệm nếu đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, gieo trồng thì sẽ được cấp giấy chứng nhận Quốc Gia và xây dựng qui trình kỹ thuật gieo trồng đồng thời phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng thí nghiệm sản xuất quảng cáo.  - Giống mới có những điều kiện gì sẽ được tổ chức thí nghiệm sản xuất quảng cáo?  - Thí nghiệm sản xuất nhằm mục đích gì?  - Làm thế nào giống mới được tuyên truyền rộng rãi đưa vào sản xuất đại trà?  - Giải thích: “Hội nghị đầu bờ”. | - So sánh với giống đại trà nhằm xác định giống mới có tính ưu việt gì.  - Sinh trưởng, phát triển năng suất, chốt lượng sản phẩm, khả năng chống chịu.  - Nhằm kiểm tra giống để đưa ra quy trình kỹ thuật chuẩn bị sản xuất đại trà.  - Trong mạng lưới khảo nghiệm quốc gia.  - Sau khi được cấp chứng nhận quốc gia.  - Tuyên truyền giống mới.  - Tổ chức hội nghị đầu bờ, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. |

**4. Củng cố**

Giống được cấp giấy chứng nhận Quốc gia khi giống đáp ứng các yêu cầu sau khi tổ chức thí nghiệm nào?

a/ Thí nghiệm so sánh. c/ Thí nghiệm sx quảng cáo

b/ Thí nghiệm kiểm tra kỷ thuật d/ Không cần thí nghiệm nào.

**5. Dặn dò:**  Xem bài mới và học bài cũ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tuần 2 Tiết 2***  ***Ngày soạn:*** | **Bài 3**  **SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG** |

**I. Mục tiêu bài học:**

Giúp học sinh biết

- Mục đích sản xuất giống cây trồng

- Trình tự và quá trình sản xuất giống cây trồng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh

**II. Phương pháp :** Hỏi đáp + diễn giảng

**III. Phương tiện:**

1. Chuẩn bị của thầy: Tranh ảnh và những kiến thức có liên quan đến bài học.
2. Chuẩn bị của trò: Xem trước bài học ở sgk & trả lời câu hỏi ở sgk

**IV. Nội dung và tiến trình dạy học**:

1. **Ổn định lớp**:
2. **Kiểm tra bài cũ**

+ Mục đích và ý nghĩa của việc khảo nghiệm giống cây trồng.

+ Nêu các loại thí nghiệm? Mục đích của từng loại thí nghiệm, của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.

**3. Giảng bài mới**

Để có được giống mới đưa vào sản xuất đại trà phải tuân theo các quy trình nghiêm ngặt. các qui trình đó thể hiện như thế nào? Ta sẽ nghiên cứu ở bài 3: Sản xuất giống cây trồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng:** **sgk**  **II.** **Hệ thống sản xuất giống cây trồng:**  - Hệ thống sản xuất cây trồng bắt đầu từ khi nhân hạt giống do cơ sở nhân tạo giống Nhà nước cung cấp đến khi có được hạt giống xác nhận  - Gồm 3 giai đoạn:  + GĐ1: SX hạt giống.  + GĐ 2: SX hạt giống NC từ SNC  + GĐ3: SX hạt giống xác nhận  Hạt giống SNC  NC  XN    Đại trà  **III. Quy trình sản xuất giống cây trồng.**  ***1. Sản xuất cây trồng nông nghiệp.***  ***a. Sản xuất giống ở cây trồng tự thụ phấn***  - Quy trình sx hạt giống theo sơ đồ duy trì.  Hạt SNC  SNC  NC  XN  - Quy trình sx hạt giống theo sơ đồ phục tráng.  Vật liệu khởi đầu  Nhân giống  Sơ bộ  Thử nghiệm  so sánh  SNC SNC  NC 🡪 XN | ***Hoạt động 1*: *Tìm hiểu mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.***  Giáo viên Yêu cầu học sinh đọc phần I sgk  ***Hoạt động 2:Tìm hiểu hệ thống sản xuất giống cây trồng:***  - Hệ thống giống sản xuất giống cây trồng bắt đầu từ đâu và khi nào kết thúc.  + Hãy cho biết hệ thống sản xuất gồm những giai đoạn nào?  + Thế nào là hạt giống SNC?  + Nhiệm vụ của giai đoạn 1 là gì? Nơi nào có nghiệm vụ sản xuất hạt giống SNC?  + Thế nào là hạt giống NC & XN? Cơ quan nào thực hiện sản xuất hạt NC (cung cấp cho) & SX hạt xác nhận.  - Tại sao hạt SNC và hạt NC cần Sx tại các cơ sở sản xuất giống chuyên ngành?  ***\* Hoạt động 3: Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng.***  - Cây công nghiệp có 2 phương pháp sinh sản: Hữu tính và vô tính. Sinh sản hữu tính có thể bằng tự thụ phấn hoặc thụ phấn chéo vì vậy sản xuất giống cây trồng nông nghiệp có quy trình tương ứng.  - Lưu ý cho học sinh: các ô gạch chéo là biểu tượng cho các dòng không đạt 🡪 nên không thu hạt.  + Quan sát sơ đồ hình 3.2. Em hãy cho biết quy trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn từ hạt tác giả thường diễn ra mấy năm? Nhiệm vụ của từng năm.  - Quy trình sản xuất giống cây trồng nhất thiết phải qua chọn lọc.  + Hãy cho biết trong sản xuất cây trồng đã áp dụng những hình thức chọn lọc nào?  - Từ hạt tác giả, gieo trồng và chọn lọc, qua 3 vụ sẽ được hạt SNC 🡪 hạt XN. Đó là quy trình sx bằng phương thức duy trì. Với giống nhập nội, bị thoái hoá thì cần được phục vụ tráng để có hạt SNC.  + Quan sát sơ đồ, hãy cho biết quá trình chọn lọc ở phương thức phục tráng có gì giống và khác quá trình chọn lọc ở phương thức duy trì?  + Nhìn vào sơ đồ, em hãy mô tả quy trình sx giống cây trồng theo phương thức phục tráng | - Học sinh đọc và tự ghi vào bài học.  - Bắt đầu khi hạt giống do cơ sở nhân tạo giống nhà nước đến khi có được hạt giống xác nhận.  - Gồm 3 giai đoạn:  - Là hạt giống có chất lượng và độ thuần khiết cao.  - Duy trì, phục tráng và sản xuất hạt SNC và do các xí nghiệp, TTSX.giống.  - Hạt NC: là hạt giống chất lượng cao được nhân từ hạt SNC. Hạt giống XN được nhân từ hạt NC. Do các công ty giống TT giống cây trồng có chức năng sx hạt NC, các cơ sở nhân giống sx ra hạt XN  - Đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao từ sự theo dõi chặt chẽ, chống pha tạp, đảm bảo duy trì & củng cố kiểu gen thuần chủng của giống  - Xem sgk và trả lời  - Chọn lọc cá thể ở năm thứ nhất và thứ 2  - Giống: Đều chọn lọc các thể  - Khác: Phục tráng còn chọn lọc hàng loạt bằng thí nghiệm so sánh giống 🡪 SNC. thời gian dài hơn.  - Năm 1: Gieo vật liệu khởi đầu, để chọn cây ưu tú.  - Năm 2: Gieo hạt ưu tú thành dòng để chọn lấy 4, 5 dòng tốt nhất  - Năm 3: Hạt các dòng tốt nhất chia làm 2: Một nửa tiếp tục gieo thực hiện thí nghiệm SS một nửa nhân giống sơ bộ - kết quả thu hạt NC. |

**4. Củng cố:** Trả lời câu hỏi 1,2, 3, 4 sgk trang 17

**5. Dặn dò:** Xem tiếp bài mới và học bài cũ.

**Bài 4**

***Tuần: 3 Tiết: 3***

***Ngày soạn :***

**SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

Sau khi học bài này học sinh sẽ:

Nắm được quy trình sản xuất giống cây trồng, thụ phấn chéo, sản xuất giống ở cây trồng nhân giống vô tính và sản xuất cây rừng.

**2. Kỹ năng:**

Rèn kỹ năng phân tích, so sánh.

**3. Thái độ**:

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng.

**III. Phương tiện**:

1. Chuẩn bị của thầy:

2. Chuẩn bị của trò:

**IV. Tiến trình bài giảng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| ***b. sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo quy trình sản xuất được tiến hành như sau*:**    Vật liệu duy trì  Hạt siêu nguyên chủng    Lô hạt SNC  NGUYÊN CHỦNG  XÁC NHẬN  ***c. Sản xuất giống cây trồng ở cây nhân giống vô tính.***  **Gồm 3 giai đoạn**:  - Sản xuất giống SNC bằng phương pháp chọn lọc duy trì.  - Tổ chức sản xuất giống NC từ gốc SNC.  - Tổ chức sản xuất giống đạt tiêu chuẩn thương phẩm tức là giống XN từ giống NC.  ***2. Sản xuất giống cây rừng:***  ***Gồm 2 giai đoạn:***  - Sản xuất giống SNC và NC thực hiện theo cách chọn lọc các cây trội đạt tiêu chuẩn SNC để xây dựng rừng giống hoặc vườn giống.  - Nhân giống cây rừng ở rừng giống hoặc vườn giống để cung cấp giống sản xuất, có thể bằng hạt m bằng giâm hom hoặc bằng phương pháp nuôi cấy mô | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu quy trình sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo***:  + Thế nào là hình thức sinh sản thụ phấn chéo? cho ví dụ  + Vì sao cần chọn ruộng sản xuất hạt giống ở khu cách ly?  + Để đánh giá thế hệ chọn lọc ở vụ thứ 2 & 3, Tại sao cần loại bỏ những cây không đạt yêu cầu từ trước khi cây thụ phấn?  + Hãy trình bày sơ đồ sản xuất hạt giống ở cây thụ phấn chéo?  ***\* Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình sản xuất giống ở cây nhân giống vô tính***  Gọi học sinh đọc sgk mục c.  Giáo viên: Hoàn thiện lại kiến thức cho học sinh.  **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây rừng:**  + Cây rừng có đặc điểm gì khác với cây lương thực, thực phẩm?  - Giáo viên cây rừng là cây lâu ngày, nên quy trình sản xuất chủ yếu gồm 2 giai đoạn. | - hạt phấn của cây này rơi trên nhụy của cây khác.  Vd: Ngô, vừng...  - Không để cây giống thụ phấn những cây không mong muốn trên đồng ruộng đảm bảo độ thuần khiết của giống.  - Không để cho cây xấu được tung phấn vào những cây tốt.  - Vụ thứ 1: Chọn ruộng ở khu cách ly, chia làm 500 ô để gieo hạt SNC. + Chọn mội ô một cây đúng giống để lấy hạt.  - Vụ thứ 2: Gieo hạt cây đã chọn – hạt của mỗi cây gieo một hàng. + Loại bỏ những hàng cây không đạt yêu cầu + thu hạt những cây còn lại trộn lẫn, là hạt SNC.  - Vụ thứ 3: Gieo hạt SNC để nhân giống, tiếp tục chọn lọc loại bỏ những cây không đạt yêu cầu. Thu được hạt NC.  - Vụ thứ 4: Nhân hạt NC, tiếp tục chọn lọc để có hạt xác định.  - Cho học sinh đọc sgk.  - Thời gian sinh trưởng dài, từ khi gieo hạt đến khi ra hoa kết quả phải mất hàng chục năm. |
|  | **4. Củng cố:** Trả lời câu hỏi 4 sgk. |  |
|  | **5. Dặn dò:**  Trả lời các câu hỏi cuối bài. Chuẩn bị bài thực hành. Mỗi nhóm đem 50 hạt bắp và lưỡi lam để cắt hạt | - Học sinh ghi công việc về nhà |

**Bài 5 : Thực hành**

***Tuần: 4 Tiết: 4***

***Ngày soạn :***

**XÁC ĐỊNH SỨC SỐNG CỦA HẠT**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Học xong bài này học sinh phải.

- xác định được sức sống của hạt một số cây trồng nông nghiệp.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo, có ý thức tổ chức kỷ luật, trật tự

**3. Thái độ:**

- Thực hiện đúng qui trình, giữ gìn vệ sinh và bảo đảm an toàn lao động trong quá trình thực hành.

**II. Phương pháp**

**III. Phượng tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy:**

- Pha thuốc thử.

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu.

- Làm thử trước.

**2. Chuẩn bị của trò.**

- Đem hạt giống (hạt bắp)

**IV. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Phân công vị trí các nhóm thực hành.

- Phân phát dụng cụ cho các nhóm.

**3. Giới thiệu bài mới:**

Để đánh giá chất lượng hạt giống cây trồng, người ta tiến hành kiểm tra sức sống của hạt. Hôm nay chúng ta cùng làm quen với (các) phương pháp xác định sức sống của hạt thông qua công tác thực hành.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **\* Hoạt động 1: Hướng dẫn qui trình thực hành.**  **a) Giới thiệu phương tiện thực hành**.  Chúng ta tiến hành kiểm tra, xác định sức sống của hạt bằng thuốc thử. Thuốc thử đã pha sẵn. Mỗi nhóm sẽ được chia 50 hạt giống. Thuốc thử dùng chung cho cả lớp. Dùng ống hút để lấy   * Hộp pêtri đựng hạt giống ngâm trong thuốc thử. * Rẹp để giữ hạt khi cắt. * Dao cắt cần cần sắc. * Lam kính làm bàn phải sạch và khô. * Giấy thấm làm sạch hạt.   **b) Quy trình thực hành: Thực hiện theo 5 bước.**  + **Bước 1**: Lấy mẫu: 50 hạt giống, dùng giấy thấm lau sạch rồi đặt vào hộp pêtri cũng được lau sạch.  + **Bước 2**: Dùng ống hút lấy thuốc thử cho vào hộp pêtri cho đến khi ngập hạt giống. ngâm trong 10, - 15’.  + **Bước 3**: Dùng kẹp gắp hạt giống ra giấy thấm, sau đó dùng giấy thấm lau sạch hạt.  + **Bước 4**: Dùng kẹp cặp chặt hạt để trên lam kính, dùng dao cắt ngang hạt rồi quan sát nội nhũ, nếu nội nhũ bị nhuộm màu là hạt chết ; không nhuộm màu là hạt sống.  + **Bước 5**: Xác định sức sống của hạt. Đếm số hạt nhuộm màu và không nhuộm màu ở bảng theo dõi. Tính tỷ lệ sống: A% = B/C x 100% (B= số hạt giống = số hạt không nhuộm màu) ( C: tổng số hạt thử (50)  \* Nhắc nhở: Bài thực hành có sử dụng hoá chất, xếp tập gọn gàng. Khi thực hành khéo, tránh đổ vỡ.  **\* Hoạt động 2: Học sinh thực hành theo nhóm.**  - Giáo viên phát hạt giống cho các nhóm.  - Giáo viên theo dõi học sinh làm thực hành nhắc nhở thực hiện đúng quy trình, giữ vệ sinh nơi làm việc.  **\* Hoạt động 3:: Tổng kết bài thực hành.**  Giáo viên gọi 1 học sinh lên ghi kết quả thực hành của các nhóm.  Giáo viên đánh giá về tỷ lệ sống.  \* Kết thúc tiết học:  Giáo viên nhận xét về ý thức tổ chức kỷ luật và vệ sinh phòng học.  - Thu báo cáo thực hành. | - Học sinh ghi tóm tắt qui trình thực hành vào vở.  - Học sinh chú ý lau sạch nếu còn thuốc thử tính trên hạt, khi cắt nội nhũ quan sát 🡪 không chính xác.  - Khi thực hành: 1 em cắt hạt, các em khác quan sát và ghi vào 2 cột: hạt nhuộm màu và hạt không nhuộm màu: bằng cách mỗi hạt 1 gạch. cắt và quan sát đủ 50 hạt.  - Học sinh nhận hạt giống và tiến hành thực hiện theo các bước đã hướng dẫn, kẻ bảng tính tỷ lệ hạt giống và bảng đánh giá kết quả.  - Mỗi nhóm cử 1 học sinh lên báo cáo kết quả: số hạt nhuộm màu, số hạt không nhuộm màu  - Học sinh thu dọn vệ sinh, sắp xếp lại dụng cụ học tập.  - Vệ sinh phòng học |

Bảng ghi kết quả thực hành của các nhóm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Số hạt bị nhuộm màu** | **Số hạt không bị nhuộm màu** | **Tỷ lệ sống** | |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

5. Xem bài mới và ôn lại kiến thức về nuôi cấy mô ở lớp 9

***Tuần: 5,6 Tiết: 5,6***

***Ngày soạn :***

**Bài 6**

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NUÔI CẤY MÔ TẾ BÀO**

**TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM NGHIỆP**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Sau học xong bài này học sinh trình bày được.

- Thế nào là nuôi cấy mô tế bào, cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

- Một số ứng dụng của công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong tạo và nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

- Quy trình công nghệ nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô.

**2. Kỹ năng**:

- Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp.

**3. Thái độ**

**II. Phương pháp :** Hỏi đáp + diễn giảng**.**

**III. Phượng tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

Tìm hiểu thông tin về phương pháp nuôi cấy mô, kỹ thuật lai tế bào tuần.

**2. Chuẩn bị của trò**.

Nghiên cứu thông tin sgk

**IV. Tiến trình bài giảng:**

1. **Kiểm tra bài cũ** - Ổn định lớp.
2. **Mở bài**: Các phương pháp chọn lọc và nhân giống cây trồng thường kéo dài và tốn nhiều vật liệu giống, tốn nhiều diện tích. Ngày nay nhờ ứng dụng KHKT mới, các nhà tạo giống đã đề ra phương pháp tạo và nhân giống mới vừa nhanh, tốn ít vật liệu, diện tích. Bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu về phương pháp mới đó.
3. **Phát triển bài**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung bài** | **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **I. Khái niệm:**  - nuôi cấy mô tế bào là phương pháp tách rời tế bào, mô đem nuôi cấy trong môi trường thích hợp để chúng tiếp tục phân bào rồi biệt hoá thành mô cơ quan và phát triển thành cây mới | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm của phương pháp nuôi cấy mô tế bào***.  - Gọi học sinh đọc mục I ở sgk  - Giảng giải: Môi trường thích hợp là môi trường dinh dưỡng có đủ các nguyên tố đa vi lượng, glucôzơ, hay saccaro có thêm chất điều hoà sinh trưởng như Auxin, cytokinin. | - Học sinh đọc |
| **II. Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.**  - Tế bào TV có tính toàn năng, có khả năng phân hoá và phản phân hoá. Dựa trên những đặc điểm đó, người ta có thể điều khiển có định hướng bằng nuôi cấy tế bào trong môi trường đặc biệt để tạo thành cây hoàn chỉnh. Đó là kỹ thuật nuôi cấy tế bào. | ***\* Hoạt động 2: Tìm hiểu cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy tế bào***.  - Giáo viên hỏi: + Dựa vào những khả năng nào của tế bào thực vật mà có thể nuôi cấy tế bào để tạo ra cơ thể mới?  + Trình bày tóm tắt quá trình phát triển của TV từ hợp tử đến cây trưởng thành.  + Đặc điểm của tế bào chuyên biệt ở TV là gì?  + Kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào gì?  - Giảng giải: Phản phân hoá là tế bào tuy đã chuyển hoá nhưng ở điều kiện thích hợp lại có thể trở về dạng phôi sinh có khả năng phân chia mạnh.  - Giáo viên kết luận lại và ghi bảng nội dung bài. | - tế bào thực vật có tính toàn năng, chứa hệ gen giống như tất cả các tế bào sinh dưỡng khác trong cơ thể, đều có khả năng sinh sản vô tính để tạo thành cây hoàn chỉnh  - Hợp tử phân chia 🡪 các tế bào chuyên hoá 🡪 đặc biệt mang chức năng chuyên biệt 🡪 mô, cơ quan 🡪 cây trưởng thành.  - Có chức năng khác nhau, không mất đi khả năng khác nhau, không mất đi khả năng biến đổi, trong điều kiện thích hợp, lại trở về dạng phôi sinh có khả năng phân chia mạnh.  - Là kỹ thật |
| **III. Quy trình công nghệ nuôi cấy mô tế bào:**  ***1. Ý nghĩa:***  Nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô tế bào:  - Có thể nhân giống cây trồng trên quy mô CN.  - Có hệ số nhân giống cao.  - Cho ra sản phẩm đồng nhất về mặt di truyền.  - Vật liệu giống sạch bệnh 🡪 cây sạch bệnh  ***2. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào****.*  Chọn vật liệu giống 🡪 Khử trùng vật liệu 🡪 Nuôi cấy mô trong môi trường nhân tạo để tạo chồi 🡪 tạo rễ 🡪 cấy cây trong môi trường thích hợp 🡪 trồng cây trong vườn ươm cách ly. | ***\* Hoạt động 3: Tìm hiểu quy trình công nghệ nuôi cấy mô tế bào.***  - Gọi học sinh đọc sgk mục ý nghĩa.  + Hảy tóm tắt các giai đoạn của công tác nhân giống bằng nuôi cấy tế bào đã học ở lớp 9.  - Giáo viên thông báo quy trình nhân giống được cụ thể hoá bằng sơ đồ:  + vật liệu nuôi cấy lấy từ bộ phận nào của cây và phải đảm bảo yêu cầu gì?  - Tế bào mô phân sinh, sau khi đã khử trùng được nuôi cấy trong môi trường nào? Nhằm mục đích gì?  + Công việc tạo rễ cho chồi được tiến hành như thế nào?  + Em hãy kể tên những giống cây trồng được nhân lên bằng phương pháp nuôi cấy mô. | GĐ 1: Nuôi cấy tế bào trong môi trường dinh dưỡng thích hợp để tạo mô sẹo.  - GĐ 2: Nuôi cấy mô sẹo trong môi trường đặc biệt có hocmon kích thích để tạo ra cây mới.  - Từ mô phôi sinh cũng có thể lấy từ tế bào phấn hoa, đảm bảo không nhiễm bệnh, giữ ở buồng cách ly tranh gây bệnh.  - Trong môi trường sinh dưỡng nhân tạo để tạo chồi.  - Lú chịu mặn, kháng đạo ôn, dứa, dâu tây, chuối, mía, đu đủ, trầm hương tùng, hồng, cà chua, cải, bắp, ngô, khoai tây, phong lan. |

**4. Củng cố:**

Chọn phương án trả lời đúng nhất.

Nuôi cấy mô tế bào là phương pháp:

1. Tách tế bào TV, rồi nuôi cấy trong môi trường cách ly để tạo tế bào TV có thể sống và T thành cây trưởng thành.
2. Tách tế bào TV nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng thích hợp giống như trong cơ thể sống, giúp tế bào phân chia, biệt hoá thành mô, cơ quan và phát triển thành cây hoàn chỉnh.
3. Tách mô tb. giâm trong môi trường có các chất kích thích để mô trưởng thành cơ quan và cây trưởng thành.
4. Tách mô tb, nuôi dưỡng trong môi trường có các chất kích thích để tạo chồi, tạo rễ và phát triển thành cây trưởng thành.

**5. Dặn dò:**

Trả lời câu hỏi cuối bài, xem bài mới.

***Tuần: 7 Tiết: 7***

***Ngày soạn :***

**Bài 7**

**MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

Sau khi học xong bài này học sinh phải giải thích được:

* + Khái niệm keo đất là gì? Cấu tạo keo đất?
  + Thế nào là khả năng hấp thụ của đất?
  + Thế nào là phản ứng dung dịch đất, các phản ứng chua và phản ứng kiềm của đất.
  + Thế nào là độ phì nhiêu của đất.
  + Phân biệt độ phì nhiêu tự nhiên và độ phì nhiêu nhân tạo.

**2. Kỹ năng**:

* Quan sát, phân tích, tổng hợp kiến thức.

**3. Thái độ**.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giải.

**III. Phương tiện**:

1. **Chuẩn bị của thầy**: Sơ đồ cấu tạo keo đất.
2. **Chuẩn** **bị của trò**:

**IV. Tiến trình bài giảng**:

1. **Ổn định – Kiểm tra bài cũ**:

- Khái niệm phương pháp nuôi cấy mô tế bào. & ý nghĩa - cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô, tế bào.

**2. Mở bài:**

- Muốn cây trồng cho năng suất cao, ngoài việc chọn giống tốt, còn cần có đất trồng phù hợp. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu t/c đất.

3. **Phát triển bài**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Keo đất và khả năng hấp thụ của đất của đất.**  ***1. Keo đất***:  ***a. Khái niệm****:*  Là những phần tử đất có kích thước dưới 1µm, không hoà tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù.  ***b. Cấu tạo keo đất****:*  1 hạt keo đất gồm: Nhân, lớp ion quyết định điện, lớp ion bất động, lớp ion khuếch tán.  Lưu ý: Vẽ hình và chú thích hình  ***2. Khả năng hấp phụ của đất***.  Ngoài khả năng giữ lại các phần tử nhỏ, keo đất còn có tính hấp phụ trao đổi: đó là khả năng trao đổi ion ở tầng khuếch tán với ion trong dung dịch đất.  Vd: [KĐ] + (NH4)2SO4 🡪 [KĐ] + H2SO4  **II. Phản ứng của dung dịch đất:**  - Phản ứng của dung dịch đất chỉ tính chua, kiềm hoặc trung tính. Người ta chỉ số pH để tính độ chua của đất hay dùng nồng độ H.  Nếu: [H]> [OH] thì pH < 7 🡪 có phản ứng chua.  [H]= [OH] thì pH = 7 🡪 trung tính.  [H]< [OH] thì pH > 7 🡪 có phản ứng kiềm  ***1. Phản ứng chua của đất.***  - Độ chua hoạt tính do nồng độ Htrong dung dịch đất gây nên  ***2. Phản ứng kiềm của đất:***  - Đất chứa các muối kiềm Na2CO3, CaCO3..., các muối này thuỷ phân tạo thành các hydroxít NaOH, Ca(OH)2.  **III. Độ phì nhiêu của đất:**  ***1. Khái niệm*** (sgk)  ***2. Phân loại:***  - Độ phì nhiêu tự nhiên: Hình thành dưới thảm TV tự nhiên, không có tác động của con người.  - Độ phì nhiêu nhân tạo: Do hoạt động sản xuất của con người | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu keo đất & khả năng hấp thụ của đất.**  - Giáo viên nêu vấn đề: Nếu hoà tan đất vào nước thì (đất) dung dịch đó như thế nào? Có giống như dung dịch nước đường hay nước muối không?  - **Giải thích**: Đường hoà tan trong nước 🡪 nước đường trong. Còn dung dịch đất là do các phân tử nhỏ không hoà tan trong nước mà chỉ ở dạng lơ lửng trong nước: huyền phù  - **Chuyển ý**: Vì sao keo đất không hoà tan trong H2O? Vì keo đất có năng lượng bề mặt. Vậy năng lượng bề mặt của keo đất do đặc điểm nào quyết định? Chúng ta tiếp tục tìm hiểu về cấu tạo keo đất.  - Giáo viên yêu cầu học sinh: Quan sát hình 7. hãy cho biết keo đất có cấu tạo gồm những phần nào?  H. Khả năng hấp thụ của keo đất là gì?  + Vì sao keo đất có khả năng hấp phụ?  \* Hoạt động 2: Tìm hiểu phản ứng của dung dịch đất do yếu tố nào quyết định  - Chuyển ý: Chúng ta tìm hiểu phản ứng (chua) của ở đất.  - Hỏi: + Độ chua của đất được chia làm mấy loại? là những loại nào?  + Độ chua hoạt tính và độ chua tiềm tàng khác nhau ở điểm nào?  + Các loại đất nào thường là đất chua?  - **Chuyển** ý: Một số loại đất không có phản ứng chua mà ngược lại là phản ứng kiềm.  **Hỏi**: Những đặc điểm nào của đất làm đất hoá kiềm  + Muốn cải tạo đất chua người ta phải làm gì?  \* Hoạt động 3:: Tìm hiểu độ phì nhiêu của đất.  - chuyển ý: Đặc điểm của đất có liên quan đến độ phì nhiêu của đất.  - Gọi học sinh đọc mục 1: Khái niệm ở sgk.  - Để tăng độ phì nhiêu của đất cần bón phân hữu cơ làm đất, tưới tiêu hợp lí.  - Độ phì nhiêu có 2 loại: Tự nhiên và nhân tạo.  - Hỏi: Sự hình thành độ phì nhiêu tự nhiên và nhân tạo khác nhau ở điểm nào? | - Dung dịch đất đục hơn so với nước đường hay nước muối  - Học sinh quan sát hình trả lời: Nhân, lớp ion quyết định, lớp ion bất động, lớp ion khuyếch tán.  - Là sự hút bám các ion, các phân tử nhỏ như hạt lion, hạt sét và hạt bề mặt của keo đất, nhưng không bị đồng hoá, không thay đổi bản chất..  - Vì keo đất có các lớp ion bao quanh nhân và tạo ra năng lực bề mặt hạt keo.  - Do nồng độ H & OH  - Độ chua hoạt tính & tiềm tàng.  - Độ chua hoạt tính do nồng độ ion Htrong dung dịch đất gây nên, độ chua tiềm tàng do ion H& ALtrên bề mặt keo đất gây nên.  - Đất lâm nghiệp, đất phèn, đất nông nghiệp không phải là đất phù sa.  - Đất chứa các muối kiềm.  - Bón vôi bột.  - Học sinh đọc.  - Nêu |

**4. Củng cố:**

Phản ứng chua của đất được đo bằng trị số pH nếu.

a. pH < 7 - đất trung tính. **c**. pH < 7 – đất chua.

b. pH < 7 - đất kiềm d. pH > 7 – đất chua

**5. Dặn dò:**

- Trả lời câu hỏi cuối bài.

- Chuẩn bị cho bài thực hành.

***Tuần: 10 Tiết: 10***

***Ngày soạn:***

**Bài 8 : Thực hành**

**XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA CỦA ĐẤT**

**I. Mục Tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học xong bài này học sinh phải.

- Biết & trình bày được quy trình xác định độ chua.

- Xác định được độ pH của các mẫu đất bằng các thiết bị thông thường.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo, phương pháp làm việc khoa học.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn vệ sinh trong quá trình thực hành.

**3. Thái độ:**

**II. Phương pháp:** Tổ chức theo từng nhóm nhỏ.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Làm thí nghiệm trước, để nắm vững quy trình.

- Giáo viên chuẩn bị cho mỗi nhóm: 1khay, 1ống nhỏ giọt, 1lọ chỉ thị màu,.....

- Pha dung dịch KCL có nồng độ 1N. Câu 74 gram KCL khô và pha vào 1 lít nước cất.

- Pha dung dịch chỉ thị màu tổng hợp.

**1. Chuẩn bị của trò**:

- Kẻ 2 bảnh: Kết quả thí nghiệm và bảng học sinh tự đánh giá trước vào giấy.

- Mỗi nhóm học sinh chuẩn bị 3 mẫu đất và thìa nhựa.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Thế nào là phản ứng của dung dịch đất? Độ chua của đất được xác định bằng chỉ số nào?

**3. Thực hành:** Mở bài: Để xác định độ chua của đất, chúng ta làm thí nghiệm trong bài thực hành hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Hoạt động 1:** Tổ chức tiết học.  - Chia nhóm: Mỗi nhóm từ 3 🡪 5 học sinh ( tuỳ lớp) phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.  - Phát dụng cụ cho các nhóm.  - Nhắc nhở ý thức tổ chức kỷ luật, vệ sinh trong thực hành.  **\* Hoạt động 2**: Hướng dẫn quy trình thực hành:  - Giáo viên vừa làm mẫu vừa ghi tóm tắt lên bảng.  **+ Bước 1:** Lấy mẫu đất bằng dao có thể tích bằng hạt bắp đặt vào giữa muỗng.  **+ Bước 2:** Dùng ống nhỏ giọt lấy dung dịch chỉ thị màu tổng hợp và nhỏ từ từ từng giọt vào mẫu đất trong muỗng.  **+ Bước 3:** Sau 1 phút, nghiêng muỗng cho nước trong mẫu đất lọc ra khỏi đất nhưng đất vẫn ở trong thìa. So sánh màu nước trong muỗng với màu nước trong thang màu chuẩn, nếu phù hợp thì đọc chỉ số pH ở thang màu chuẩn.  **\* Hoạt động 3:** Học sinh tiến hành thực hành.  - Giáo viên quan sát nhắc nhở học sinh làm đúng quy trình, giữ vệ sinh nơi làm việc. | - Nhóm trưởng có nhiệm vụ nhắc nhở các thao tác thực hành, các thành viên thay nhau thực hiện các thao tác ; cân đất, cho dung dịch KCL 1N vào...  - Lưu ý: Tránh làm đổ nước trong muỗng ra ngoài, nhất là tránh làm đổ thang màu chuẩn.  - Yêu cầu: Mỗi nhóm thực hiện với 2 mẫu đất, mỗi mẫu làm 3 lần, được 3 chỉ số pH, sau đó lấy trị số tb, ghi kết quả vào mẫu báo cáo.  - Học sinh bắt đầu thực hành. |

**4. Tổng kết bài học:**

- Gọi học sinh trình bày quy trình thực hành.

- Nhóm báo cáo kết quả: mẫu đất lấy ở đâu, pH =?

- Nhận xét về giờ thực hành về các mặt.

+ Công việc chuẩn bị của học sinh.

+ Kỹ thuật, vệ sinh trong tiết học.

- Nộp báo cáo thực hành cần ghi rõ:

+ Tên nhóm.... ngày... tháng.. năm.

+ Tên bài thực hành.

+ Bảng 1: Kết quả thực hành.

+ Bảng 2: Đánh giá kết quả.

**5. Dặn dò:**

Sưu tầm tranh ảnh có liên quan đến hiện tượng xói mòn

Tuần .....Tiết.....

**Bài 9**

**BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT XÁM BẠC MÀU , ĐẤT XÓI MÒN MẠNH TRƠ SỎI ĐÁ**

Ngày soạn:

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nêu được sự hình thành, tính chất của đất xám bạc màu.

- Biết và trình bày được các biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất xám bạc màu.

- Nêu được nguyên nhân gây xói mòn đất, tính chất của đất xói mòn mạnh và biện pháp cải tạo, hướng sử dụng của loại đất này.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng, phân tích, tổng hợp.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên đất.

**II. Phương pháp:**

Hỏi đáp + thảo luận nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Tranh ảnh về xói mòn đất và biện pháp khắc phục.

- Phiếu học tập và đáp án.

- Tranh ảnh liên quan đến đất xám bạc màu.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Nội dung bài học.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định:**

**2. Mở bài**

Xói mòn đất ảnh hưởng như thế nào đến độ phì nhiêu của đất? Vậy làm thế nào để cải tạo đất? Chúng ta học bài hôm nay.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| Đất Việt Nam có đặc điểm:  - Điều kiện khí hậu nóng ẩm 🡪 chất hữu cơ và mùn dễ bị khoáng hoá.  - Chất dinh dưỡng dễ hoà tan, bị rửa trôi.  - 70% phân bố ở vùng đồi núi 🡪 bị xói mòn mạnh thoái hoá. Trong đó đáng lưu ý là đất xám bạc màu, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, đất mặn, đất phèn  **I. Cải tạo và sử dụng đất xám bạc màu:**  Mục tiêu:  - Tăng độ phì nhiêu của đất.  - Nâng cao năng suất cây trồng.  ***1. Điều kiện – nguyên nhân hình thành:***  - Hình thành giữa vùng giáp ranh đồng bằng và miền núi.  - Địa hình dốc thoải 🡪 Rửa trôi mạnh.  - Tập quán canh tác lạc hậu 🡪 Đất thoái hoá mạnh.  - Chặt phá rừng.  ***2. Tính chất của đất xám bạc màu.***  - Tầng đất mặn mỏng.  - Thành phần cơ giới nhẹ.  - Thường khô hạn.  - Chua đến rất chua.  - Nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn.  - VSV ít, hoạt động yếu.  ***3. Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng:***  ***a. Biện pháp cải tạo:***  - Xây dựng bờ rừng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí, khắc phục hạn hán, tạo mộ trường thuận lợi cho VSV phát triển.  - Cày sâu dần tăng độ dày tầng đất mặt.  - Bón vôi giảm độ chua.  - Luân canh, chú ý cây họ đậu, cây phân xanh, tăng cường VSV cố định đạm, khắc phục tình trạng nghèo dinh dưỡng.  - Bón phân hữu cơ và phân hoá học hợp lí, khắc phục tình trạng nghèo dinh dưỡng, tăng lượng mùn tạo môi trường thuận lợi cho VSV hoạt động và phát triển.  ***b. Hướng sử dụng:***  - Do được hình thành ở địa hình dốc thoải nên dễ thoát nước, thành phần cơ giới nhẹ nên dễ cày bừa vì vậy có thể trồng được nhiều loại cây lương thực.  **II. Biện pháp cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá**.  ***1. Nguyên nhân gây xói mòn:***  - Mưa lớn phá vỡ kết cấu đất.  - Địa hình dốc tạo thành dòng chảy rửa trôi.  - Chặt phá rừng giảm độ che phủ 🡪 Tốc độ dòng chảy lớn.  ***2. Tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá.***  - Hình thái phẫu diện không hoàn chỉnh.  - Cát sỏi chiếm ưu thế.  - Chua, nghèo mùn, nghèo chất dinh dưỡng.  - VSV ít, hoạt động yếu.  ***3. Cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh.***  Có biện pháp công trình và biện pháp nông học. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của đất Việt Nam**.  - Đất Việt Nam có đặc điểm gì?  **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên nhân, biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất xám bạc màu.**  - **Chuyển tiếp**: Trước hết chúng ta tìm hiểu về đất xám bạc màu.  - Mục tiêu của hoạt động cải tạo và sử dụng đất xám bạc màu là gì?  - Những điều kiện và nguyên nhân dẫn đến tình trạng đất xám bạc màu là gì?  - Đất xám bạc màu có những tính chất gì cần chú ý?  **Chuyển tiếp**: Từ những tính chất của đất xám bạc màu đã nêu trên chúng ta có thể đề ra các biện pháp cải tạo.  - Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập: biện pháp cải tạo đất xám bạc màu.  - Hãy kể tên một số loại cây được trồng trên đất xám bạc màu.  **Chuyển tiếp**: Muốn đất có độ phì nhiêu trở lại thì phải có biện pháp cải tạo.  **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu biện pháp cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá**.  Học sinh thảo luận các câu hỏi.  - Xói mòn đất là gì?  - Nguyên nhân nào gây xói mòn?  - Xói mòn đất thường xảy ra ở vùng nào? Đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp đất nào chịu tác động của xói mòn mạnh hơn.  - Hãy cho biết tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá?  **Chuyển tiếp**: Từ các nguyên nhân và đặc điểm đã nêu, có thể đề xuất các biện pháp khắc phục như thế nào?  - Yêu cầu học sinh thảo luận tìm ra các biện pháp cải tạo và tác dụng của các biện pháp cải tạo đó. | - Nghiên cứu thông tin SGK trả lời.  - Học sinh thảo luận trả lòi câu hỏi.  - Nghiên cứu thông tin SGK để trả lời.  - Nghiên cứu thông tin SGK để trả lời.  Hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập khi nghiên cứu SGK và vận sụng kiến thức của mình.  - Ngô, xắn, lúa, lạc, đậu, vừng.  - Là quá trình phá huỷ lớp đất mặt và tầng đất dưới do nước mưa, nước tưới, tuyết tan, gió.  Nước muă roi phá huỷ kết cấu đất, bào mòn đất mặn, địa hình dốc làm xói mòn, rử trôi.  - Do chặt phá rừng, nhất là rừng đầu nguồn làm nước mưa các vùng đồi núi, đồi trọc càng lớn...  - Thường xảy ra ở vùng đồi núi có dốc. Đất lâm nghiệp chịu tác động mạnh hơn vì đất lâm nghiệp thường ở vùng đồi núi.  - Hoạt động theo nhóm tìm ra biện pháp và tác dụng của nó bằng thông tin SGK và kiến thức của mình. |

**4. Củng cố:**

a. Nguyên nhân hình thành đất xám bạc màu và xói mòn mạnh trơ sỏi đá có đặc điểm gì chung.

( Mưa lớn phá vỡ kết cấu của đất, địa hình dốc nên quả trình rửa trôi mạnh )

b. So sánh tính chất của đất xám bạc màu và xói mòn mạnh.

( Giống: Tầng đất mặt mỏng, đất thường khô hạn, chua, nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn, VSV ít, hoạt động kém. Khác: Đất xám bạc màu tầng đất mặt có.thành phần cơ giới nhẹ. Đất xói mìn mạnh, tầng đất bị bào mòn mạnh trơ sỏi đá, cát sỏi chiếm ưu thế ).

**5. Dặn dò:**

- Trả lời câu hỏi cuối bài.

***Tuần: 8,9 Tiết: 8,9***

***Ngày soạn:***

**Bài 10**

**BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT MẶN, ĐẤT PHÈN**

**I. Mục tiêu:**

- Học xong bài này học sinh phải:

- Hiểu và trình bày được nguyên nhân hình thành và tính chất của đất mặn, đất phèn.

- Trình bày được các biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn, đất phèn, giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp.

**2. Kỹ năng**:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp.

**3. Thái độ:**

Ý thức bảo vệ tài nguyên đất.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp, trực quan, học nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy:**

- Nghiên cứu sgk, đọc phần thông tin bổ sung trong sgk.

- Tranh ảnh về đất nặn, và đất phèn.

- Tranh hình 10.3 tiếp.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Tìm hiểu nội dung có liên quan đến bài học và thông tin sgk. Sưu tầm tranh ảnh có liên quan

IV. Tiến trình bài giảng:

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ:**

- Nêu điều kiện và nguyên nhân hình thành đất xói mòn trơ sỏi đá và đất xám bạc màu và biện pháp cải tạo và sử dụng đất xói mòn.

**2. Mở bài**:

- trong 4 loại đất nghèo dinh dưỡng ở Việt nam. Chúng ta đã hiểu nguyên nhân và biện pháp cải tạo, hướng sử dụng của 2 loại đất là đất xám bạc màu & đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá. Hôm nay chúng ta tìm hiểu 2 loại đất còn lại là đất mặn và đất phèn.

3. Phát triển bài:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Cải tạo và sử dụng đất mặn**  ***1. Điều kiện và nguyên nhân hình thành***  - Đất mặn là loại đất có chứa nhiều cation Na hấp phụ trên bề mặt keo đất và trong dung dịch đất.  - Đất mặn phổ biến ở vùng đồng bằng ven biển.  - Ở Việt nam đất mặn được hình thành do 2 tác nhân: chủ yếu là nước biển và nước ngầm, mùa khô, muối hoà tan theo các mao quản dần lên, làm đất mặn.  ***2. Đặc điểm, tính chất của đất mặn***:  - Đất có thành phần cơ giới nặng, tỉ lệ sét cao 50, 60%.  - Có nhiều muối tan NaCL, Na2 SO4.  - Phản ứng: Trung tính hoặc kiềm yếu.  - Nghèo mùn, nghèo đạm.  - VSV hoạt động yếu  ***3. Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất mặn:***  ***a. Biện pháp cải tạo****:*  - Biện pháp thuỷ lợi.  + Đắp đê biển: Ngăn không cho nước mặn tràn vào.  + Xây dựng hệ thống mương máng tưới tiêu hợp lí dẫn nước ngọt vào để rửa mặn.  - Bón vôi: Thúc đẩy phản ứng trao đổi cation giữa Ca2+ và Na+, giải phóng Na+ khỏi keo đất tạo thuận lợi cho rửa mặn  KĐ + Ca2+ KĐ2+ + 2 Na+  - Tháo nước ngọt vào rửa mặn, bổ sung chất hữu cơ.  - Sau khi rửa mặn, cần bón bổ sung chất hữu cơ để nâng cao độ phì nhiêu cho đất.  - Trồng cây chịu mặn để giảm bớt lượng natri trong đất, sau đó sẽ trồng các loại cây khác.  ***c. Sử dụng đất mặn:***   * Nuôi trồng thuỷ hải sản * Trồng cói, trồng rừng * Trồng lúa   **II. Cải tạo và sử dụng đất phèn:**  ***1. Điều kiện và nguyên nhân hình thành.*** (sgk)  Đất phèn ở vùng đồng bằng ven biển có nhiều xác sinh vật chứa lưu huỳnh. Khi phân huỷ trong điều kiện yếm khí, lưu huỳnh kết hợp với sắt trong phù sa tạo thành hợp chất pirít FeS2. Trong điều kiện thoát nước, thoáng khí FeS2  bị oxy hoá tạo thành H2SO4 làm cho đất chua.  ***2. Đặc điểm tính chất của đất phèn và biện pháp cải tạo***.   |  |  | | --- | --- | | Tính chất | Biện pháp cải tạo tương ứng | | Thành phần cơ giới: nặng  - Tầng đất mặn: khô thì cứng, nứt nẻ.  - Độ chua: cao, PH: <4  - Chất độc hại: Al3+, Fe3+, CH4,H2S  - Độ phì nhiêu: thấp, nghèo mùn, nghèo đạm.  - Hoạt động VSV: kém | Bón phân hữu cơ.  Xd hệ thống tưới tiêu hợp lí.  - Bón vôi  - Cày sâu, phơi ải, lên liếp, xd hệ thống tưới tiêu, rửa phèn.  - Bón phân hữu cơ, phân đạm, phân vi lượng.  - Bón phân hữu cơ | | **\* Hoạt động 1:**  **Tìm hiểu các biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn**:  - Trước hết chúng ta tìm hiểu về nguyên nhân và điều kiện hình thành.  **Giáo viên hỏi**:  + Thế nào là đất mặn?  + Đất mặn ở nước ta phổ biến ở vùng nào?  + Tác nhân chủ yếu việc hình thành đất mặn ở Việt nam?  **Giáo viên tóm tắt và ghi bảng**:  **Chuyển ý**: Để cải tạo đất mặn phục vụ cho sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, chúng ta cần tìm hiểu tính chất của đất mặn.  **Giáo viên yêu cầu**: Em hãy tóm tắt những tính chất của đất mặn.  - **Giáo viên giảng**: Do tính chất của đất có thành phần cơ giới nặng, tỷ lệ sét cao nên đất nén chặt, khả năng thấm nước kém, không tơi xốp. Khi ướt thì dẻo dính, khi khô thì rắn chắc khó làm đất H. lượng muối tan nhiều, chủ yếu là cation Na+ nên áp suất thẩm thấu của dung dịch đất lớn cản trở sự hấp thụ nước và các chất dinh dưỡng của rễ cây. Các đặc điểm trên dẫn đến hệ quả là đất nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn do VSV hoạt động kém, không phát triển được.  - **Chuyển ý**: Vậy cần áp dụng các biện pháp nào để mang lại hiệu quả chúng ta nghiên cứu tiếp nội 3  - Giáo viên hỏi:  + Biện pháp thuỷ lợi được áp dụng để cải tạo đất mặn gồm những khâu nào? Nhằm mục đích gì?  + Tại sao đất mặn thuộc loại đất trung tính hoặc kiềm yếu mà người ta vẫn áp dụng biện pháp bón vôi để cải tạo.  + Sau khi bón vôi cho đất một thời gian cần làm gì đất.  + Bổ sung chất hữu cơ cho đất bằng cách nào? Có tác dụng gì?  **Giáo viên giảng**: (sau khi) bổ sung chất hữu cơ cho đất sau khi rửa mặn chưa phải là hết mặn. Vì vậy chúng ta cần trồng các cây chịu mặn để giảm bớt lượng Na+ trong đất, sau đó mới trồng các loại cây trồng khác. Quá trình cải tạo phải cần một thời gian dài.  + Theo em, các biện pháp nêu trên biện pháp nào là quan trọng nhất? Vì sao?  - **Giáo viên giảng**: Ở vùng đất mặn có thể nuôi trồng thuỷ hải sản đất mặn thích hợp với việc trồng cói, trồng rừng giữa đất như trồng sú; vẹt. Một khi đất mặn được cải tạo sẽ trở nên phì nhiêu có thể trồng lúa đặc biệt là các giống lúa đặc sản.  - **Chuyển ý**: Vùng đồng bằng ven biển, ngoài đất mặn còn có loại đất nữa cũng cần được cải tạo là đất phèn.  **\* Hoạt động 2**: Tìm hiểu nguyên nhân hình thành, biện pháp cải tạo và sử dụng đất phèn  **Giáo viên giảng**: Đất phèn ở vùng đồng bằng ven biển có nhiều xác sinh vật chứa lưu huỳnh. Khi phân huỷ trong điều kiện yếm khí, lưu huỳnh kết hợp với sắt trong phù sa tạo thành hợp chất pirít FeS2.. Trong điều kiện thoát nước, thoáng khí FeS2  bị oxy hoá tạo thành H2SO4 làm cho đất chua. Vì vậy, tầng chứa FeS2được gọi là tần sinh phèn: 2 FeS2 + 7 O2 + H2O 2 FeSO4 + 2H2SO4 Đất phèn thoát nước, thoáng khí, rất chua là loại: “đất phèn hoạt động” Trong phẫu diện đất có vệt loang lổ vàng rơm ở vùng úng nước, pirít chưa bị oxy hoá nên phản ứng dung dịch trung tính. Đó là đất phèn tiềm tàng. Khi nước này thoát hết sẽ trở thành.”Đất phèn hoạt động”.  - **Giáo viên tổ chức** cho học sinh thảo luận nhóm theo nội dung phiếu học tập sau: Tìm hiểu tính chất và biện pháp cải tạo.   |  |  | | --- | --- | | Tính chất | Biện pháp cải tạo tương ứng | | Thành phần cơ giới.  - Tầng đất mặn.  - Độ chua  - Chất độc hại  - Độ phì nhiêu...  - Hoạt động VSV. |  | | - Học sinh nghiên cứu thông tin sgk và trả lời câu hỏi.  - Học sinh nghiên cứu sgk tóm tắt.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh cùng bàn thảo luận.  - Đắp đê biển: Ngăn nước biển tràn vào, xây dựng hệ thống mương máng tưới tiêu hợp lí dẫn nước vào để rửa mặn.  - Tháo nước ngọt để rửa mặn 🡪 bổ sung hữu cơ  - Bón phân xanh, phân hữu cơ làm tăng lượng mùn cho đất. Giúp SVS phát triển + Đất tơi xốp, giảm tỉ lệ sét, tăng tỉ lệ hạt limon, hạt keo.  - Làm thủy lợi, bón vôi và rửa mặn.  - Học sinh làm việc nhóm hoàn thành phiếu học tập |
|  | + Phản ứng của dung dịch đất khi bón vôi cải tạo đất mặn và đất phèn có gì khác nhau .  + Việc giữ nước liên tục và thay nước thường xuyên có tác dụng gì ? | - Bón vôi cải tạo đất mặn tạo ra phản ứng trao đổi , giải phóng Na2+ thuận lợi cho việc rửa mặn . còn bón vôi cải tạo đất phèn thì xảy ra phản ứng trao đổi làm cho hydroxít nhôm AL(OH)3 .  - Không để pirit bị oxy hoá làm đất chua . giữ nước còn làm cho tần đất mặt không bị khô cứng , nứt nẻ , thay nước thường xuyên làm giảm chất độc hại đối với cây .  - các chất độc hại như pirit lắng sâu , nếu cày sâu sẽ đẩy chất độc hại lên tầng đất mặt thúc đẩy quá trình oxy hoá làm đất chua . Bừa sục có tác dụng làm đất mặt thoáng , rễ cây hô hấp được . |

**4. Củng cố:** Chọn câu trả lời đúng nhất:

Trong các biện pháp cải tạo đất mặn sau đây, biện pháp nào không phù hợp.

* 1. Đắp đê biển, xây dựng hệ thống mương máng, tưới tiêu hợp lí.
  2. Lên liếp hạ thấp mương tiêu mặn.
  3. Bón vôi
  4. Rửa mặn.

**5. Dặn dò:**

- Sưu tầm các tranh ảnh nói về phân bón.

- Đem mẫu phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh.

***Tuần: 11-12 Tiết: 11-12***

***Ngày soạn:***

**Bài 12**

**ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, KỸ THUẬT SỬ DỤNG**

**MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

Học xong bài này học sinh phải:

Biết được đặc điểm tính chất và kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thường dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp.

**2. Kỹ năng:**

Rèn luyện kỹ năng khái quát hoá và tổng hợp.

**3. Thái độ:**

Liên hệ thực tế trong đời sống hàng ngày.

**II. Phương pháp**: Vấn đáp + thảo luận nhóm .

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy:**

- Nội dung kiến thức có liên quan đến bài học.

- Tranh: 1 số loại phân hoá học.

- Nội dung: phiếu học tập.

**Phiếu 1**: Tìm hiểu đặc điểm, tính chất của 1 số phân bón thường dùng.

**Phiếu 2**: Tìm hiểu kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thông thường.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại phân bón | Đặc điểm chính | Cho ví dụ |  | Loại phân bón | Cách sử dụng |
| Phân hoá học  Phân hữu cơ  Phân vi sinh |  |  | Phân hoá học  Phân hữu cơ  Phân vi sinh |  |

**1. Chuẩn bị của trò:**

- Sưu tầm tranh ảnh nói về phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh và có đem mẫu.

- Chuẩn bị nội dung bài học.

**IV. Tiến trình bài giảng**:

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ:**

**2. Mở bài**:

Muốn cây trồng đạt năng suất cao thì cần phải bón phân. Vậy bón phân có tác dụng gì? (Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây) Để phân bón sử dụng có hiệu quả, chúng ta cần tìm hiểu đặc điểm tính chất, kỹ thuật sử dụng 1 số loại phân bón thông thường.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Một số loại phân bón thường dùng trong nông lâm nghiệp**:  - Phân hoá học  - Phân hữu cơ  - Phân vi sinh. | **\* Hoạt động 1:Tìm hiểu 1 số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.**  - Hãy kể tên các loại phân bón mà nông dân thường dùng?  - Học sinh thảo luận câu hỏi sau (5’)  + Thế nào là phân hoá học, phân hữu cơ và phân vi sinh.  + Cho ví dụ cụ thể về mỗi loại phân.  Giáo viên nhận xét bổ sung: | - Phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh.  - Học sinh chia nhóm thảo luận và đưa ra các KN.  + Phân hoá học: Đạm phú mỹ, suppevlân Long Thành.  + Phân hữu cơ: Phân rơm, bèo hoa dâu, phân chuồng.  + Phân vs: vs cố định đạm, vs hữu cơ |
| **II. Đặc điểm tính chất một số loại phân bón.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Phân hoá học | Phân hữu cơ | | Đặc điểm | Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỷ lệ chất dinh dưỡng cao | Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỷ lệ từng nguyên tố thấp và không ổ định | | Tính chất | Dễ tan (trừ lân) nên cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh | Chất dinh dưỡng không sử dụng được ngay phải qua quá trình khoáng hoá nên hiệu quả chậm. | | Vai trò | Không có tác dụng cải tạo đất 🡪 đất bị chua | Cải tạo đất ra mùn giúp hình thành kết cấu viên cho đất |   \* Phân vi sinh:  - Chứa VSV sống.  - Mỗi loại chỉ thích hợp cho 1 hoặc 1 nhóm cây trồng.  - Bón phân vsv không làm hại đất | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm, tính chất của 1 số loại phân bón thông thường:  - Học sinh thảo luận sau: (5’)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Phân hoá học | Phân hữu cơ | Phân vi sinh | | Đặc điểm, tính chất, vai trò |  |  |  |   Giải thích: + Tại sao bón phân hoá học nhiều năm sẽ làm cho đất bị chua còn bón phân hữu cơ thì cải tạo đất?  + Phân hoá học: Đạm: 46%đạm ; 15 🡪 16% lân, 30🡪60% kali.  + Phân chuồng: 0,30% đạm ; 0,16%lân, 0,6% kali.  Chuyển ý: Từ những đặc điểm trên 🡪 chúng ta có những đề suất kỹ thuật sử dụng hợp lý. | - Học sinh thảo luận và báo cáo theo nhóm  - Vì phân hoá học có chứa gốc axít: (NH4)2SO4, CO nên khi bón kết hợp với ion H+ trong đất 🡪 axít chua. |
| **III. Kỹ thuật sử dụng:**  ***1. Phân hoá học:***  - Đạm và Kali: dễ tan, dùng để bón thúc.  - Lân:khó tan, dùng bón lót.  ***2. Phân hưu cơ:***  - Trước khi bón phải ủ kỹ, dùng để bón lót để có thời gian phân chuyển hoá.  ***3. Phân vi sinh:***  - Trộn hoặc tẩm vào hạt, nhúng rễ vào phân trước khi gieo trồng hay bón trực tiếp vào đất. | **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu kỹ thuật sử dụng 1 số loại phân bón thông thường**.  - Học sinh thảo luận câu hỏi sau:  + Nêu cách sử dụng mỗi loại phân bón trên.  - Giáo viên hỏi: + vì sao không nên bón phân hoá học quá nhiều.  + Tại sao phân trước khi bón phải ủ kỹ?  + Bón lót và bón thúc là bón như thế nào?  - Liên hệ: Ngày nay người dân đã quá lạm dụng phân hoá học và thuốc trừ sâu trong quá trình canh tác 🡪 gây ô nhiễm môi trường vì vậy chúng cần phải bón phân 1 cách hợp lí và kết hợp bón phân hữu cơ cho đồng ruộng và canh tác trên đồng ruộng kết hợp với biện pháp IBM.  Ngoài ra các nhà khuyến nông còn khuyến khích trồng đậu nành trên đồng ruộng sau một vụ lúa để tăng lượng phân hữu cơ cho đất. | - Học sinh thảo luận nhóm và báo cáo.  - Dễ tan, cây không hấp thu hết gây lãng phí và có tác dụng cải tạo đất 🡪 đất chua.  - Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải chất hữu cơ, tránh hiện tượng mất đạm, diệt mầm bệnh và có thời gian chuyển hoá thành chất dinh dưỡng cho cây.  - Bón thúc: Sau khi sạ 10 🡪 15 ngày để cây sinh trưởng nhanh.  - Bón lót: Bón trước khi sạ.  Ngày nay người ta dùng phân chuồng ủ để lấy gas đốt (biogas) và phân sau khi ủ là thứ bột, nhuyễn bón cho cây rất tốt. |
| **4. Củng cố:**  **1. Chọn câu đúng sai**  a. ***sai*** Phân hoá học là loại phân có vai trò cải tạo đất.  b. ***đúng*** Phân hoá học là loại phân dễ tan (trừ phân lân).  2. Điền vào chỗ trống.  Chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay, vì vậy cần bón lót . để sau thời gian, phân được khoáng hoá mới cung cấp chất dinh dưỡng cho cây hấp thụ .  3. Chọn câu đúng nhất.  Phân có tác dụng cải tạo đất là phân:  a. Phân hoá học c. Phân vi sinh  **b.** Phân hữu cơ d. Phân hữu cơ và vi sinh.  **5. Dặn dò:**  Học bài cũ, xem bài mới: Có mấy loại phân vi sinh. So sánh thành phần và cách sử dụng của phân vi sinh vật cố định đạm và phân VSV chuyển hoá lân. | | - Học sinh ghi công việc về nhà. |

Tuần.....Tiết..... **Bài 13**

Ngày soạn:

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**:

Học xong bài này học sinh phải: Hiểu và trình bày được đặc điểm và cách sử dụng một số loại phân bón vi sinh vật trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

**2. Kỹ năng:**

Rèn luyện kỹ năng phân tích tổng hợp, làm việc tập thể và cá nhân.

**3. Thái độ:**

Liên hệ được thực tế.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + học nhóm + diễn giảng.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

Chuẩn bị nội dung bài. Sưu tầm tranh ảnh, mẫu phân vi sinh.

**2. Chuẩn bị của trò**:

Chuẩn bị: Xem trước nội dung SGK.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ:**

- Nêu đặc điểm và tính chất một số loại phân bón thường dùng.

- Kỹ thuật sử dụng của một số loại phân bón thường dùng như thế nào?

**2. Mở bài:**

Phân bón thì có nhiều phương hướng (sản) giải quyết trong đó đáng lưu ý ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất phân bón đỡ tốn kém, vừa có tác dụng cải tạo đất. Không bị thoái hoá.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Nguyên lý sản** **xuất phân vi sinh**  Nhân giống chủng vsv đặc hiệu, sau đó trộn với chất nền. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên lý sản xuất phân VS**  Cho học sinh thảo luận các câu hỏi sao:  + Thế nào là công nghệ vi sinh?  + Hãy cho biết các loại phân vi sinh dùng cho sản xuất nông lâm nghiệp.  + Hãy nêu nguyên lý sản xuất vi sinh.  - Chất nền: Than bùn cùng với rỉ đường | - Nghiên cứu khai thác hoạt động sống và phát triển kinh tế, xã hội.  - Phân vsv cố định đạm, chuyển hoá lân, chuyển hoá chất hữu cơ.  - Nhân giống chủng vsv đặc hiệu 🡪 trộn với chất nền. |
| **II. Một số loại vi sinh vật thường dùng**:  ***1. Phân vi sinh cố định đạm***:  - Có 2 loại phân vsv cố định đạm là nitragin và Azôgin.  + Nitragin: Bón cho cây họ đậu.  + Azôgin: Bón cho cây lúa.  - Cách sử dụng: Tẩm vào hạt trước khi gieo hoặc bón trực tiếp vào đất.  ***2. Phân vi sinh vật chuyển*** ***hoá lân:***  Có 2 loại:  + photphobacterin: chuyển hoá lân hữu cơ 🡪 vô cơ.  + Phân hữu cơ vsv: chuyển hoá lân khó tan 🡪 dễ tan.  - Cách sử dụng bón trực tiếp vào đất.  ***3. Phân vi sinh vật chuyển hoá chất hữu cơ:***  - Là loại phân chứa vsv phân huỷ, chuyển hoá chất hữu cơ 🡪 hợp khoáng cho cây hấp thụ.  - Thường gặp là: Estrasol và mana dùng bón trực tiếp vào đất. | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu một số loại vi sinh vật thường dùng**.  Cho học sinh thảo luận:  + Hiện nay chúng ta dùng những loại phân cố định đạm nào?  + Hãy cho biết thành phần của nitragin. trong các thành phần đó, thành phần nào đóng vai trò quan trọng?  + Có thể dùng nitragin bón cho các cây trồng không phải cây họ đậu được không? vì sao?  - Nitragin: Được sx bằng cách phân lập vsv cố định cố định đạm cộng sinh trong nốt sần rễ cây họ đậu 🡪 nuôi dưỡng tạo số lượng lớn 🡪 trộn với than bùn, các chất khoáng, các nguyên tố vi lượng vsv cố định đạm có khả năng biến đổi nitơ tự do thành NH3 khi có sắc tố màu hồng ở cây họ đậu 🡪 bón cây khác cây họ đậu thì không mang lại hiệu quả cao  - Liên hệ: Để tận dụng nguồn đạm do vi khuẩn tổng hợp được, ta có thể trồng xen canh, luân canh với cây họ đậu.  + Phân Nitragin và Azôgin khác nhau ở điểm nào?  + Hãy nêu cách sử dụng phân vsv cố định đạm..  Chuyển ý: Để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hoá lân 🡪 Cây người ta đã sản xúât phân vsv chuyển hoá lân.  Học sinh thảo luận các câu hỏi:  + Phân vsv chuyển hoá lân có những dạng nào?  + Sự khác nhau giữa 2 loại phân photphobacterin và phân lân hữu cơ vi sinh.  - Thành phần của phân hữu cơ có vsv ở VN sx?  - Trong các loại phân vsv đều có than bùn làm chất nền vì vậy chúng có dạng bột. Về màu sắc thì phânn vsv cố định đạm có màu nâu sẫm. Còn phân vs chuyển hoá lân 🡪 đen.  Chuyển ý:  Ngoài ra người ta đã phân lập nuôi dưỡng chúng trong môi trường thích hợp để sản xuất phân vsv chuyển hoá hữu cơ.  + Thành phần quan trọng nhất trong vsv chuyển hoá chất hữu cơ là gì?  + Phân vsv chuyển hoá chất hữu cơ thường gặp có những loại nào? và được sử dụng như thế nào?  - VSV phân giải chất hữu cơ tiết ra enzym phân giải xenlulozơ vì vậy bón phân vsv phân giải chất hữu cơ có tác dụng thúc đẩy quá trình khoáng hoá các chất hữu cơ, giúp cây hấp thụ khoáng. | - Nitragin, Azôgin.  - Than bùn, vsv nốt sần cây họ đậu, chất khoáng và nguyên tố vi lượng. Thành phần chủ đạo là phân vsv nốt sần trong rễ cây họ đậu  - Nitragin có thành phần chính là vi khuẩn cộng sinh ở nốt sần cây họ đậu.  Azôgin: Vi khuẩn hội sinh với cây lúa 🡪 bón cho lúa.  - Tẩm vào hạt trước khi gieo trồng, cần tiến hành nơi râm mát, tránh ánh nắng trực tiếp và làm chết vsv, có thể bón trực tiếp.  - photphobacterin và phân lân hữu cơ vi sinh.  - photphobacterin chứa vsv chuyển hoá hữu cơ thành vô cơ. có thể tẩm hoặc bón trực tiếp phân lân hữu cơ vsv chứ vsv chuyển hoá lân khó tan 🡪 dễ tan, bón trực tiếp vào đất.  - Than bùn, bột photphat  - VSV phân huỷ và chuyển hoá các chất hữu cơ 🡪 hợp chất khoáng cho cây hấp thụ.  - Thường gặp: Estrasol và mana, dùng bón trực tiếp vào đất |
| **4. Củng cố:**  **-** Hãy sắp xếp các loại phân: Mna, Azôgin, Estrasol, lân hữu cơ vs, nitragin, photphobacterin vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phân vs cố định đạm** | **Phân vs chuyển hoá lân** | **Phân vs chuyển hoá chất hữu cơ** | |  |  |  |   **5. Dặn dò:**  - Lấy hạt đậu xanh ủ nẩy mầm trồng trong cát tạo rễ.  - Chuẩn bị 1 chai nhựa 1 lít có nấp đậy. Giữa nấp đậy khoét 1 lổ tròn, đk 1,5cm, hai bên đục 2 lổ nhỏ, 1 miếng xốp 0,5cm 1 lưỡi lam. | |  |

Tuần.....Tiết..... **BÀI 14.Thực hành:**

Ngày soạn:

**TRỒNG CÂY TRONG DUNG DỊCH**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Biết phương pháp trồng cây trong dung dịch.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng thực hành, tính cẩn thận, tỉ mỉ.

**3. Thái độ:** Có ý thức tổ chức kỷ luật.

**II. Phương pháp:** Tổ chức thực hành theo nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm và dung dịch dinh dưỡng.

**2. Chuẩn bị của trò:** Chuẩn bị cây con, bình trồng cây, miếng xốp, dao sắc...

**IV. Tiến trình bài giảng**:

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

- Bố trí chỗ ngồi cho mỗi nhóm.

**2. Vào bài**:

Chúng ta thấy trồng cây phải có đất vậy trồng cây. Vậy trồng cây không có đất được không mà chúng ta chỉ cung cấp chất dinh dưỡng cho cây. Để kiểm nghiệm điều đó, chúng ta làm thí nghiệm trồng cây trong dung dịch.

**3. Phát triển bài**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Hoạt động 1**: **Giới thiệu phương pháp tiến hành**:  Để trồng cây trong dung dịch, chúng ta cần thực hiện theo trình tự..  + **Bưới 1:** Chuẩn bị nguyên liệu và phương tiện thực hành: dung dịch dinh dưỡng. Cây con, bình trồng cây con, dung dịch H2 SO4 2% NaOH 2%, giấy 3. Phát triển bài:.  **+ Bước 2**: Đổ dung dịch dinh dưỡng vào bình trồng đến gần sát miệng, sao cho rễ cây ngập trong dung dịch. Kiểm tra độ pH.  **+ Bước 3:** Chọncây khoẻ mạnh, cắt miếng xốp cho vừa khít lỗ thủng đã khoét ở nắp bình, dùng dao cắt đôi cho miếng xốp, ở mặt cắt khoét lỗ để đặt cây con vào đó.  **+ Bước 4:** Đặt cây vào lỗ khoét của miếng xốp, ốp 2 nửa miếng xốp lại, luồn qua lỗ giữa nắp hộp, để 1 phần rễ cây ngập trong dung dịch, phần còn lại của rễ ở phần trên thực hiện chức năng hô hấp.  **+ Bước 5:** Theo dõi sự sinh trưởng của cây.  - Dùng giấy đen hoặc vải đen bao xung quanh bình để không cho ánh sáng làm biến đổi tính chất của dung dịch.  - Chuyển bình đến vị trí thích hợp, đủ ánh sáng.  - Hàng tuần đo chiều cao của cây và điếm số lá, quan sát màu sắc lá, quan sát sự phát triển bộ rễ... ghi vào bảng theo dõi. | |
| **\* Hoạt động 2: Học sinh làm thí nghiệm thực hành**  - Khi học sinh thực hành ; Giáo viên theo dõi nhắc nhở học sinh thực hiện qui trình, giữ vệ sinh. | - Học sinh làm thí nghiệm thực hành theo các bước hướng dẫn. |
| **4. Tổng kết bài học:**  - Nhắc nhở các nhóm chuyển bình trồng cây đến vị trí thích hợp  - Đánh giá kết quả thực hành.  + Cách bố trí cây trong bình.  + Phương pháp làm có đúng quy trình không?  + Tinh thần làm việc của học sinh.  + Nhắc nhở các nhóm làm vệ sinh, thu dọn dụng cụ nơi làm việc.  **5. Dặn dò:**  Theo dõi kết quả thí nghiệm 3 tuần. |  |

Tuần.....Tiết..... Bài 15 :

Ngày soạn:

**ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN CỦA SÂU, BỆNH HẠI CÂY**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** - HS hiểu và trình bày được các điều kiện phát sinh và phát triển của sâu bệnh hại cây trồng.

**2. Kỹ năng:**  - Rèn năng lực tư duy phân tích.

**3. Thái độ:** - Ứng dụng vào thực tế.

**II. Phương pháp:**

Hỏi đáp + Diễn giảng + Học nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy:**

- Nội dung có liên quan bài học. Thông tin SGV, SGK.

- Sưu tầm tranh ảnh các loại sâu bệnh hại cây trồng.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Chuẩn bị bài mới. ( Xem sách giáo khoa )

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định**

**2. Mở bài**

**3. Phát triển bài**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Nguồn sâu, bệnh hại**  - Có sẵn trên đồng ruộng  Biện pháp kỹ thuật  - Cày bừa phát quang vệ sinh đồng ruộng.  - Ngâm đất, phơi ải.  Tác dụng  - Phá nơi trú ẩn của sâu bệnh.  - Diệt ấu trùng và mầm bệnh. | **\* Hoạt động 1:** Tìm hiểu nguồn phát sinh sâu bệnh hại cây trồng.  - Học sinh thảo luận:  +Những loại sâu bệnh nào thường gặp trên đồng ruộng?  + Các loại sâu bệnh đó thường gặp ở đâu?  + Biện pháp ngăn ngừa sự phát triển của sâu bệnh.  + Tác dụng của pháp đó? | - Sâu keo, đục thân, cuốn lá, thối rễ, đạo ôn.  - Cây cỏ bờ ruộng, trong đất, hạt, cây con.  - Cày bừa, ngâm đất, phơi ải, phát quang vệ sinh đồng ruộng.  - Phá nơi trú ẩn và tiêu diệt ấu trùng sâu bệnh. |
| **II. Điều kiện khí hậu, đất đai**  ***1. Nhiệt độ môi trường***  - Anh hưởng đến quá trình xâm nhập và lây lan của sâu bệnh.  ***2. Độ ẩm không khí và lượng mưa***  - Anh hưởng gián tiếp thông qua thức ăn.  **3. Điều kiện đất đai**  - Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng 🡪 Sâu, bệnh. | **\* Hoạt động 2:** Tìm hiểu điều kiện khí hậu, đất đai, ảnh hưởng đến sự phát triển của sâu bệnh.  - Hãy nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát sinh và triển của sâu bệnh?  Chuyển ý: Trong những điều kiện tự nhiên của môi trường thì nhiệt độ và độ ẩm của không khí là 2 yếu tố quan trọng nhất có liên quan mật thiết với nhau 🡪 Phát triển sâu bệnh.  - Nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của sâu bệnh?  - Đa số sâu bệnh có giới hạn nhiệt độ từ 100 – 520 C ngoài giới hạn đó sâu ngừng hoạt động hoặc có thể chết. Nhiệt độ tăng sâu bệnh phát triển mạnh.  - Độ ẩm và nhiệt độ quá cao 420 – 500 C trở lên nấm có thể chết.  - Độ ẩm và mưa có ảnh hưởng như thế nào?  - Độ ẩm không khí và lượng mưa như thế nào thì sâu bệnh phát triển nhiều?  - Hãy giải thích vì sao độ ẩm không khí và lượng mưa ảnh hưởng đến sâu bệnh?  - Khi gặp điều kiện nhiệt độ và độ ẩm cao, chúng ta cần làm gì để hạn chế sâu, bệnh?  - Điều kiện đất đai cũng ảnh hưởng đến sự phát triển sâu bệnh.  - Những loại đất nào dễ phát sinh sâu bệnh? Cho ví dụ cụ thể.  - Hạn chế sâu bệnh 🡪 Chú ý công tác chọn giống và chế độ chăm sóc. | - Nhiệt độ, độ ẩm không khí, nước mưa, đất đai.  - HS nghiên cứu SGK và trả lời.  - Độ ẩm không khí cao, lượng mưa nhiều.  - HS nghiên cứu SGK trả lời.  - Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, để sớm phát hiện và biện pháp phong trừ.  - Thiếu hoặc thừa dinh dưỡng. Vd: giàu mùn, giàu đạm 🡪 Đạo ôn, bạc lá. Đất chua dễ mắc bệnh tiêm lửa. |
| **III. Giống cây trồng và chế độ chăm sóc:**  - Xử lí hạt giống, cây con trước khi gieo trồng. Chọn giống kháng sâu bệnh.  - Chế độ chăm sóc: Giữ nước và bón phân hợp lí. | **\* Hoạt động 3:** Giống cây trồng và chế độ chăm sóc  Cho HS thảo luận  - Việc làm nào của nông dân tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển?  - Làm gì để khắc phục việc làm đó? | - Học sinh thảo luận và trả lời. |
| **IV. Điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch**  - Ổ dịch là nơi xuất phát sâu bệnh trên đồng ruộng.  - Ổ dịch phát triển thành dịch khi gặp điều kiện môi trường thuận lợi ( Thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm ) | **\* Hoạt động 4:** Tìm hiểu điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch  HS thảo luận  - Thế nào là ổ dịch? Khi nào thì ổ dịch phát triển thành dịch? | - Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời. |

**4. Củng cố:**

- Sâu bệnh phát sinh trên đồng ruộng, tiềm ẩn ở đâu?

- Ổ dịch là gì?

**5. Dặn dò:**  Học bài và xem bài 17.

Tuần .....Tiết..... **Bài 17**

Ngày soạn:

**PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**:

Học sinh hiểu thế nào là phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng và trình bày nguyên lí cơ bản trong phòng trừ dịch hại.

**3. Thái độ**:

Nắm được có khả năng vận dụng vào được thực tế sản xuất các biện pháp phòng trừ tổng hớp dịch hại cây trồng.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng, học nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy:**

Nội dung phòng trừ tổng hợp và các tranh ảnh có liên quan.

**2. Chuẩn bị của trò**:

Nội dung bài mới và sưu tầm tranh ảnh có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Kiểm tra bài cũ**:

Những điều kiện môi trường như thế nào là thích hợp cho sự phát triển của sâu bệnh.

**2. Mở bài**:

Nắm được các phương pháp ảnh hưởng của sâu hại 🡪 đề ra những biện pháp phòng trừ.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Khái niệm:**  - Phối hợp các biện pháp hợp lý để phát huy ưu điểm khắc phục nhược điểm ở mỗi phương pháp. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây.**  + Thế nào là phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?  + Vì sao phải áp dụng phòng trừ tổng hợp dịch hại? | - Phối hợp các phương pháp phòng trừ 1 cách hợp lý.  - SGK. |
| **II. Nguyên lý cơ bản:**  - Trồng cây khoẻ.  - Bảo tồn thiên địch.  - Thường xuyên thăm đồng  - Bồi dưỡng nông trở thành chuyên gia. | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại:**  - Gọi học sinh đọc mục II sgk/54 và giáo viên tóm tắt  - Học sinh thảo luận các câu hỏi.  + Thế nào là cây khoẻ?  + Thiên địch là gì? Nêu ví dụ.  + Tại sao phải bồi dưỡng nông dân trở thành chuyên gia?  **Chuyển ý:**  Các nguyên lý cơ bản phòng trừ dịch hại phải có các biện pháp cụ thể. | - Học sinh đọc  - Cây không mang bệnh khả năng > < cao.  - Sinh vật có ích ; Ví dụ: Chuồn chuồn. bọ rùa, ếch nhái...  - Vì nông dân trực tiếp sản xuất, nếu có hiểu biết sẽ chủ động phòng trừ dịch hại có hiệu quả cao. |
| **III. các biện pháp chủ yếu:**  ***1. Biện pháp kỹ thuật****.*  - Cày bừa.  - Vệ sinh đồng ruộng.  - Tưới tiêu hợp lý và bón phân hợp lý.  - Luân canh.  - Gieo trồng đúng thời vụ.  ***2. Biện pháp sinh học:***  - Dùng thiên địch hoặc sản phẩm của chúng diệt trừ sâu hại.  ***3. Sử dụng cây trồng chống chịu sâu bệnh****:*  - Dùng cây giống chứa gen chống sâu bệnh.  ***4. Biện pháp hoá học****:*  - Dùng thuốc hoá học phòng trừ dịch hại.  ***5. Biện pháp cơ giới vật lý****:*  - Dùng bẫy, vợt, tay... bắt sâu hại,  ***6. Biện pháp điều hoà****:*  - Giữ dịch hại ở mức nhất định nhằm cân bằng sinh thái. | **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu các biện pháp chủ yếu.**  + Có các biện pháp chủ yếu nào?  + Nêu các biện pháp kỹ thuật và cho biết tác dụng của từng biện pháp.  + Ap dụng biện pháp sinh học như thế nào? Có lợi gì?  - Đây là biện pháp tiên tiến nhất hiện nay. Hiện nay các nước đã gây nuôi và nhập nội các giống thiên địch và thuần hoá được 120 loài côn trùng ký sinh và ăn thịt. ở viện nghiên cứu nông nghiệp đã sản xuất ong mắt đỏ trừ sâu đục thân.  + Chúng ta cần phải làm gì để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học?  - Giáo viên thông báo: Khi cây trồng bị sâu bệnh xâm nhập, nhiều cây trồng có phản ứng tự vệ...  - Khi sâu bệnh phát triển mạnh, người ta sử dụng biện pháp hoá học.  + Thế nào là biện pháp hoá học?  + Có nên sử dụng thuốc hoá học phòng trừ sâu hại? tại sao?  + Vậy khi nào thì mới sử dụng thuốc hoá học?  - Giáo viên thông báo: Đây là biện pháp quan trọng, có thể dùng vợt, tay, bẫy để bắt sâu hại. Bẫy đèn: Bắt bướm, bẫy men, mật hấp dẫn loài thích thơm, chua...  - Giáo viên thông báo: Biện pháp điều hoà là sự phối hợp các biện pháp phòng trừ một cách hợp lý để giữ dịch hại ở mức ổn định không phát triển thành dịch hại.  - Chúng ta biết rằng, quần thể sâu bệnh (phát triển có nhiều dạng, nêu áp dụng thiên về một biện pháp thì không bị tiêu diệt mà còn có thể phát triển thành dịch. Do đó chúng ta cần phối hợp các biện pháp và bảo vệ thiên địch. | - Có 6 biện pháp và tác dụng.   |  |  | | --- | --- | | + Cày bừa  + vệ sinh đồng ruộng  + Tưới tiêu bón phân hợp lý.  + Luân canh  + Gieo trồng đúng thời vụ. | -Diệt sâu hại trong đất.  -Phá nơi cư trú  - cấy phát triển nâng cao khả năng > < sâu hại liên tục  - sâu hại không có điều kiện sống. |   - Dùng thiên địch hay các sản phẩm của chúng.  - Bảo vệ thiên địch, gây nuôi và bảo vệ các loài côn trùng có ích.  - Sử dụng thuốc hoá học phòng trừ dịch hại không:  + Có hại cây trồng: chay lá.  + Ô nhiễm môi trường,  + Giảm tác dụng diệt trừ sâu hại.  - Khi các biện pháp khác tỏ ra vô hiệu với dịch hại. |
| **4. Củng cố:**  Trả lời các câu hỏi:   1. Thế nào là phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. 2. Hãy nêu những nguyên lý cơ bản phòng trừ tổng hợp dịch hại. 3. Biện pháp sinh học là gì? Ưu điểm của các biện pháp sinh học? Cho ví dụ về sử dụng các biện pháp sinh học. 4. Chọn câu đúng (Đ) sai (S).   a.........Gieo trồng đúng thời vụ.  b.........Phun thuốc hoá học trừ sâu cho cây giống trước khi gieo trồng.  c..........Tưới tiêu và bón phân hợp lý.  d............Sử dụng giống có khả năng kháng sâu bệnh.  **5. Dặn dò:**  - Đọc kỹ bài thực hành.  - Trả lời các câu hỏi cuối bài. | | |

Tuần.....Tiết..... **Bài 18.Thực hành:**

Ngày soạn:

**PHA CHẾ DUNG DỊCH BOOCĐÔ PHÒNG TRỪ NẤM HẠI**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**:

Biết được vai trò của dung dịch Boocđô trong phòng trừ bệnh hại.

**2.Kỹ năng:**

Rèn luyện tính chính xác khoa học, cẩn thận, chu đáo, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**3. Thái độ**:

Pha chế được dung dịch Boocđô 1% đảm bảo làm đúng quy trình, biết đánh giá chất lượng dung dịch Booc đô %

**II. Phương pháp**:

Thực hành học nhóm.

**III. Phương tiện**:

**1. Chuẩn bị của thầy:**

Chuẩn bị đồ dùng dạy học ; bộ dụng cụ thí nghiệm cho học sinh. CuSO4­. 5H2O và vôi tôi, cốc chia độ, cân kỹ thuật

**2. Chuẩn bị của trò:**

Xem kỹ bài thực hành.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ:**

**2. Mở bài:**

Để phòng trừ bệnh hại cây trồng, có một loại thuốc đơn giản, hiệu nghiệm mà chúng ta có thể tự pha chế, đó là dung dịch Boođô 1%. Hôm nay chúng ta tìm hiểu và quy trình thực hiện pha chế dung dịch này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng của dung dịch Boocđô 1%:**  - Giáo viên thông báo: Dung dịch Boocđô gồm: vôi tôi CuSO4. 5H2O có khả năng phòng trừ các bệnh hại do nấm gây ra: Cà chua, cải bắp, bạc lá mía, mốc sương trên khoai tây... Dùng dung dịch Boocđô gây ô nhiễm môi trường và các loại thiên địch | - Học sinh nghe và ghi vào vở. |
| **\* Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình pha chế:**  **Bước 1**: Cân 15 gram vôi tôi + 2000ml nước, khuấy tan, sau đó chắt bỏ sạn và đổ vào chậu (nhựa, sứ)  **Bước 2**: Cân 10gr CuSO4. 5H2O + 500ml nước lắc cho tan hết.  **Bước 3**: Đổ từ từ dung dịch CuSO4... và dung dịchvôi tôi, vừa đổ vừa dùng que khuấy đều.  **Bước 4**: Kiểm tra chất lượng sản phẩm  + Nhìn thấy dung dịch có màu xanh biển.  + Dùng giấy quỳ thử 3. Phát triển bài: (kiềm 7,8)  Vì sử dụng hoá chất nên nhắc nhở học sinh làm cẩn thận tránh đổ vỡ. | - Theo dõi ghi các bước thực hành  - Học sinh làm cẩn thận. |
| **\* Hoạt động 3: Học sinh thực hiện thao tác pha chế dung dịch Boocđô theo nhóm**:  - Giáo viên quan sát nhắc nhở học sinh thực hiện đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh.  **4. Tổng kết bài học**:  Cho học sinh tự đánh giá lẫn nhau. theo 4 bước và chất lượng sản phẩm.  - Giáo viên nhận xét:  + Thực hiện quy trình.  + Đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động.  **5. Dặn dò**:  - Ôn bài 15 & 17.  - Chuẩn bị bài mới. | - Học sinh thực hiện đúng quy trình  - Học sinh tự đánh giá theo mẫu. |

Tuần.....Tiết..... **Bài 19**

Ngày soạn:

**ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC HOÁ HỌC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**ĐẾN QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh trình bày được ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học bảo vệ thực vật đến quần thể sv và môi trường.

- Xác định được các biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

**2. Kỹ năng:**

Rèn kỹ năng lực tư duy phân tích, so sánh.

**3. Thái độ:**

Có cách nhìn đúng đắn về thuốc hoá học.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

Sơ đồ đường truyền thuốc hoá học BVTV vào môi trường và con người.

**2. Chuẩn bị của trò**:

- Xem nội dung bài mới và những kiến thức có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ:**

**2. Mở bài:**

Thuốc hoá học có tác dụng gì? khi nào thì nên sử dụng thuốc hoá học BVTV?

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Anh hưởng xấu của thuốc hoá học BVTV đến quần thể sinh vật.**  - Tác động đến mô, tế bào cây trồng nên hiệu ứng cháy lá, thân, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm. diệt trừ sv có ích, làm xuất hiện quần thể sâu bệnh kháng thuốc. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học bvtv đến quần thể sinh vật.**  - Thuốc hoá học BVTV nếu sử dụng không đúng quy trình sẽ ảnh hưởng xấu đến các QT & con người và môi trường.  + Vì sao sử dụng thuốc hoá học BVTV đến QTSV. | - Có phổ rộng nên sử dụng với nồng độ cao học tổng hợp lượng cao.  SGK |
| **II. Anh hưởng xấu của thuốc hoá học BVTV đến môi trường:**  - Gây ô nhiễm môi trường: Đất, nước.  - Gây ô nhiễm nông sản.  - Gây ngộ độc hoặc gây bệnh hiểm nghèo cho người. | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu ảnh hưởng của thuốc hoá học BVTV đến môi trường:**  - Yêu cầu học sinh thảo luận với nhóm câu hỏi.  + Tìm nguyên nhân gây ảnh hưởng xấu đến môi trường? | - Học sinh thảo luận nhóm trả lời.  - Do con người sử dụng 🡪 xuống nước, đất.  - Thuốc hoá học nhiều, thời gian cách ly ngắn 🡪 ô nhiễm nông sản. |
| **III. Biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học BVTV** (học sgk) | \* Hoạt động 3: Tìm hiểu những biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học BVTV  + Hãy tóm tắt các nguyên tắc hạn chế.  + Hãy nêu các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho người đi phun thuốc hoá học BVTV? | - Do ăn thức ăn nhiễm độc.  - 1 học sinh tóm tắt.  - Khi phun thuốc, người phun phải đứng dầu luồng gió, hướng vòi phun về phía cuối luồng gió dịch dần lên ngược với luồng gió để hơi nước không ảnh hưởng đến người phun. Phại đeo khẩu trang, đi ủng và mang găng tay bảo hộ. |
| **4. Củng cố:**  Giải thích vì sao sâu bệnh có hiện tượng kháng thuốc.  **5. Dặn dò:**  Trả lời các câu hỏi sgk. | |  |

Tuần......Tiết:..... **BÀI 20**

Ngày soạn:

**Ứng Dụng Công Nghệ Vi Sinh Sản Xuất Chế Phẩm Bảo Vệ Thực Vật**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết được thế nào là chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật.

- Biết được cơ sở khoa học của quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn, virút và nấm trừ sâu.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh.

**3. Thái độ:**

**II. Phương pháp**: Vấn đáp + diễn giảng.+ học nhóm.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nghiên cứu sgk và phần “Thông tin bổ sung” sgk. và 1 số tài liệu tham khảo.

- Đồ dùng dạy học: Tranh ảnh băng hình liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Nghiên cứu sgk và tài liệu có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- trình bày những ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học BVTV đến quần thể SV và môi trường.

- Trình bày các biện pháp hạn chế.

**2. Mở bài:**

- Hãy cho biết các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng, các biện pháp đó biện pháp nào quan trọng I.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Khái niệm:**  - Là sản phẩm diệt trừ sâu hại có nguồn gốc sinh vật. Không độc hại cho người và môi trường | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm thế nào là chế phẩm sinh học:**  + Chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng là gì?  + Chúng có đặc điểm gì được ưa chuộng.  - Ngày nay người ta ứng dụng CN – VSV khai thác những VSV, vi rút VK, nấm gây hại 🡪 sx là chế phẩm sinh học BVCT 🡪 không độc hại cho con người và môi trường. | - là sản phẩm diệt trừ sâu hại có nguồn gốc sinh vật.  - Không độc hại cho người và môi trường |
| **I. Chế phẩm vi trừ sâu:**  - T/P đặc điểm: là VK Bacillus Thusingiensis, giai đoạn bào tử có tinh thể protein rất độc với sâu.  - Hình quả trám hay lập phương. Vào cơ thể sâu bọ làm tê liệt 🡪 chết sau 2 🡪 4 ngày.  - Đặc tính: Độc hại với sâu bọ không độc hại với con người và môi trường. | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu chế phẩm vi khuẩn trừ sâu.  - Treo tranh hình 20.1 và cho học sinh thảo luận các câu hỏi.  + VK dùng sản xuất chế phẩm này là loại nào? có đặc điểm gì?  + Hãy nêu đặc điểm hình thái và tính chất của tinh thể prô.  + hãy nêu đặc điểm hình thái và tính chất của tinh thể prô.  + Bản chất của thuốc trừ sâu BÀI TẬP là gì?  + Hãy lên bảng trình bày hình 20.1 giải thích quy trình SX.  Cuyển ý: Một dạng chế phẩm sinh học khác là dùng ngay cơ thể sinh vật cho nhiễm vào sâu hại, đó là chế phẩm Virút và nấm trừ sâu. | - VK Bacillus thuringiensis, gđ bào tử có tinh thể prô rất độc đ/v sâu.  - Hình quả trám hay lập phương. vào cơ thể sâu bọ làm tê liệt 🡪 chết sau 2 – 4 ngày.  - Là chất độc chiết từ bào bào tử vkbt độc hại với sâu bọ không độc hại với con người và môi trường. |
| ***II. Chế phẩm vi rút trừ sâu***:  - Thành phần: là virút.  - Phương thức diệt trừ: làm sâu nhiễm vi rút 🡪 tế bào sâu bị phá huỷ. | **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu chế phẩm Virút trừ sâu:**  - Học sinh thảo luận các câu hỏi.  + Vì sao khi bị nhiễm virút cơ thể sâu trở nên mềm nhũn?  - Giải thích: Khi sâu ăn phải thức ăn có virút 🡪 vào ruột, tế bào 🡪 mềm nhũn 🡪 chết.  + Hãy mô tả hình 20.2. quá trình sản xuất chế phẩm virút trừ sâu.  + Nêu sự khác biệt về thành phần và phương thức diệt trừ sâu hại giữa chế phẩm bài tập NPV. | - Do các mô tan rã.  - Học sinh mô tả.   |  |  | | --- | --- | | BT | NPV | | Thành phần: là pro độc của vi khuẩn Bt  Phương thức: gây độc hại tê liệt diệt trừ: sâu 🡪 gây chết | - là virút  - Làm sâu nhiễm vi rút 🡪 tế bào sâu bị phá huỷ. | |
| **III. Chế phẩm nấm trừ sâu:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Nấm túi | Nấm phấn trắng | | Đối tượng diệt trừ | Sâu,rệp | Sâu, rầy, bọ cánh cứng | | Đặc điểm của sâu nhiễm nấm | Cơ thể trương lên 🡪 chết | Cơ thể sâu cứng lại có màu trắng 🡪 chết | | **\* Hoạt động 4: Tìm những chế phẩm nấm trừ sâu**:  + Có mấy loại nấm trừ sâu:  + Hãy so sánh 2 loại nấm này về: đối tượng tượng diệt trừ.  + Hãy trình bày quy trình sx và chế phẩm nấm trừ sâu hình 20.3 | - Có 2 loại: Nấm túi và nấm phấn trắng |
| **4. Củng cố:**  Nêu sự khác nhau trong quy trình sx virút và nấm trừ sâu?  **5. dặn dò:**  Ôn tập toàn bộ chương I và suy nghĩ các phương án trả lời bài 21 | |  |

Tuần.....Tiết..... **Bài 21**

Ngày soạn:

**Ôn Tập Học Kì I**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

Học sinh khái quát và hệ thống được những kiến thức cơ bản, phổ thông về giống cây trồng, đất, phân bón và bảo vệ cây trồng nông, lâm nghiệp.

Nêu được mối liên hệ thống nhất giữa các yếu tố: Giống, đất, phân bón, bảo vệ cây trồng.

**2. Kỹ năng:**

Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp.

**3. Thái độ:**

Liên hệ thực tế ở địa phương.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng.

**III. Phương tiện:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

Các câu hỏi thảo luận và hệ thống kiến thức.

**2. Chuẩn bị của trò:**

Ôn lại kiến thức từ bài 1🡪 14

**IV. Câu hỏi ôn tập:**

Các câu hỏi ôn tập chương I sgk trang 64

Tuần:.....Tiết:.....

Chương II

CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐẠI CƯƠNG

Ngày soạn:

**Bài 22**

QUY LUẬT SINH TRƯỞNG, PHÁT DỤC CỦA VẬT NUÔI

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Học xong bài này học sinh phải:

+ Hiểu và trình bày được khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.

+ Phân biệt đặc điểm và vai trò của quá trình sinh trưởng, phát dục cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát dục của vật nuôi vào thực tiễn chăn nuôi gia đình, địa phương để thu được năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, hạ giá thành và bảo vệ môi trường trong sạch, bền vững

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, tổng hợp...

**3. Thái độ:**

- Nắm vững quá trình và vận dụng vào thực tế.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Hỏi đáp + diễn giảng, học nhóm.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Tranh ảnh có liên quan, sưu tầm các ví dụ liên quan đến bài học

- Nội dung: Thông tin bổ sung SGV.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Sưu tầm tranh ảnh có liên quan và 1 vài ví dụ và tìm hiểu nội dung sgk và sách tham khảo.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Mọi con vật từ lúc còn là hợp tử cho đến lúc trưởng thành, già cỗi luôn tuân theo 1 quá IV. Tiến trình bài giảng: rình liên tục, đó là sinh trưởng và phát triển. Quá trình đó tuân theo những quy luật nào? Sinh trưởng, phát dục quan hệ với nhau như thế nào? Con người có thể tự điều khiển sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi được không? Đó là những câu hỏi, Hôm nay chúng ta cùng tìm lời giải đáp.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. KHÁI NIỆM VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC:**  - Sinh trưởng: Là sự tăng lên về khối lượng và kích thước của vật.  - Phát dục: là quá trình phân hóa tạo ra các cơ quan bộ phận của cơ thể,hoàn thiện và thực hiện chức năng sinh lí.  **II. QUY LUẬT SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC**:  1. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo giai đoạn.  2. Quy luật sinh trưởng và phát dục không đồng đều.  3. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo chu kỳ.  **III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC:**  - Có nhiều yếu tố ảnh hưởng nhưng chia làm hai loại:  + Yếu tố bên trong: đặc điểm di truyền, lứa tuổi...  + Yếu tố bên ngoài: Thức ăn, nuôi dưỡng chăm sóc... | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm về sinh trưởng và phát dục của vật nuôi**.  Ví dụ: Gà con mới nở 30g ; 56 ngày tuổi: 80g ; 1 năm tuổi: 3.000g.  Lợn mới sinh: 1,4 kg cai sữa: 15kg.  + Có nhận xét gì về khối lượng cơ thể của gà và lợn.  + Sự tăng lên như thế được gọi là gì?  + Sinh trưởng là gì?  - Cho ví dụ 1: Hợp tử phân chia tạo nên các mô thần kinh, mô cơ, mô máu, tế bào... thành các mô cơ quan của vật.  VD2: 50 ngày tuổi thai lợn nặng 100g, 100 ngày: 400g  + Vd nào nói lên sự phát dục của vật nuôi?  + Phát dục là gì?  KL: Sinh trưởng và phát dục là 2 mặt của quá trình phát triển cơ thể vật nuôi.  Quy luật sinh trưởng và phát dục?  Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát dục? | - Khối lượng tăng lên theo thời gian.  - Sự tăng trưởng hay sinh trưởng.  - VD1.  Phát dục: Là quá trình thay đổi chất lượng các bộ phận trong cơ thể con vật.  Hs trả lời  1. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo giai đoạn.  2. Quy luật sinh trưởng và phát dục không đồng đều.  3. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo chu kỳ. |

**4. Củng cố:**

+ Sinh trưởng là gì?

+ Phát dục là gì?

**5. Dặn dò:**

Chuẩn bị: Chọn lọc giống vật nuôi

Tuần :......Tiết:.... **Bài 23**

Ngày soạn:.....

**CHỌN LỌC GIỐNG VẬT NUÔI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau bài này học sinh phải:

+ Biết được các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi.

+ Biết được một số phương pháp chọn lọc giống vật nuôi đang sử dụng phổ biến ở nước ta.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức quan tâm đến giá trị của giống và việc chọn giống khi tiến hành chăn nuôi.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Hỏi đáp + diễn giảng.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung sgk và thông tin bổ sung

- Tranh ảnh vật nuôi có hướng sản xuất khác nhau.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- xem nội dung bài mới.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- Phân biệt sinh trưởng và phát dục? sinh trưởng, phát dục tuân theo quy luật nào? Tìm hiểu quy luật sinh trưởng và phát dục của vật để làm gì?

**2. Mở bài:**

- Muốn có vật nuôi tốt, một khâu kỹ thuật rất quan trọng trong chăn nuôi là chọn lọc giống vật nuôi. Vậy muốn chọn 1 con giống tốt, người chăn nuôi phải làm thế nào?

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | |
| **I.** **CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐỂ ĐÁNH GIÁ CHỌN LỌC VẬT NUÔI.**  1. Ngoại hình, thể chất:  a. Ngoại hình: là hình dáng bên ngoài của vật nuôi.  b. Thể chất: là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi.  2.Khả năng sinh trưởng và phát dục: được dánh giá bằng tốc độ tăng trọng và mức tiêu tốn thức ăn.  3. Sức sản xuất: là mức độ sản xuất ra sản phẩm. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi.**  - Chọn giống là quá trình chọn lọc nhân đạo, mục đích là chọn những con vật tốt nhất để làm giống (thịt, trứng, sữa... )  + Giống tốt phải chọn giống theo các tiêu chuẩn nào?  + Phân biệt các khái niệm? Ngoại hình, thể chất sức sản xuất... cho ví dụ.  Thể chất: VD  - Thô: Da khô cơ xương phát triển, mở ít, thường dùng để cày.  - Thanh: da mỏng, xương nhỏ, chân nhỏ, đầu thanh... bò sữa.  - Săn: Hình dáng có góc có cạnh, khớp xương nổi rõ, da thịt cứng cáp, xương chắc, mở ít 🡪 cày, kéo.  - Cổi: Mở dày, nội tạng có nhiều mở bao, da nhão mềm, thịt không rắn, xương không chắc, nuôi lấy mở và thịt (lợn hướng mở)  - Chúng ta thường gặp loại thể chất phối hợp: Thô săn, thô sổi, thanh sản, thanh sổi. | | - Ngoại hình, thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất...  + Lợn landrat: lông trắng, tai to, cụp, dài chân cao, nạc nhiều.  + Lợn mống cái: Có mảng đen bên hông.  + Bò hướng thịt: Thân hình chữ nhật, thân sau và rộng, cơ phát triển.  + Bò sữa: Mông to, vú phát triển, cơ không phát triển. | |
| **II. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHỌN LỌC GIỐNG VẬT NUÔI:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Chọn lọc hàng loạt | Chọn lọc cá thể | | - Đối tượng  - Thường áp dụng  - Cách tiến hành  + CL theo tổ tiên  + CL đặc điểm.  + KT: đời sau  + ĐK Clọc  - Ưu điểm.  - Khuyết điểm | - Vật nuôi cái sinh sản.  - Chọn nhiều vật nuôi cùng lúc  - Không  - Có  - Không  - Ngay trong điều kiện sx  - Nhanh, đơn giản dễ làm  - Hiệu quả chọn lọc không cao | - Con đực giống.  - Cần chọn vật nuôi có chất lượng giống cao.  - Có  - Có  - Có  - Trong đk tiêu chuẩn.  - K T kiểu hình, gen CLKT cao, tin cậy.  - Tiến hành ở các TT giống, với chăn nuôi gia đình khó thực hiện | | | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu một số phương pháp chọn lọc giống vật nuôi.**  + Tại sao hiệu quả chọn lọc không cao?  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động nhóm với nội dung bảng. | | - KT bên ngoài, chưa KT được KG. |
| **4. Củng cố:**  Chọn giống căn cứ vào các cơ quan trên cơ thể con vật  **Câu 1:** Ghép cột chọn con gà tốt.  1. mắt a. To, thẳng, cân đối  2. Chân b. Dài rộng  3. Lông c. Khép kín  4. Mỏ d. Sáng, không có khuyết tật.  **Câu 2**: Ghép cột chọn con lợn tốt:  1. Lông a. Nở nang  2. Lưng b. Dài rộng.  3. Vai c. Thưa, bóng, mượt, đặc trưng của giống.  4. Số lượng vú d. Thẳng, chắc, khoẻ.  5. Chân e. Có trên 12 vú, không có vú kẹ.  **5. Dặn dò:** Học bài, xem bài 24 | | | | |

Tuần:....Tiết:.... **Bài 24**

Ngày soạn:

THỰC HÀNH: QUAN SÁT, NHẬN DẠNG NGOẠI HÌNH GIỐNG VẬT NUÔI

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau bài này giáo viên cần làm cho học sinh phải:

- Biết quan sát, so sánh đặc điểm ngoại hình của các vật nuôi có hướng sản xuất khác nhau.

- Nhận dạng được một số giốngvật nuôi phổ biến trong nước và hướng sản xuất của chúng.

- Nhận thức vai trò, vị trí của các giống vật nuôi nhập nội và địa phương trong sản xuất

**2. Kỹ năng:** Quan sát, so sánh.

**3. Thái độ:** Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Thuyết trình + Học nhóm

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Chuẩn bị nội dung bài giảng.

- Chuẩn bị mẫu, đồ dùng dạy học.

- Làm thử: Quan sát & nhận xét đặc điểm các giống vật nuôi.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Xem trước bài thực hành.

- Kẻ bảng 24. nhận xét đặc điểm ngoại hình các giống vật nuôi.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**: Kiểm tra chuẩn bị của học sinh về tranh ảnh & tư liệu.

**2. Mở bài:** Giới thiệu bài thực hành & mục tiêu của bài học.

**3.Thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Hoạt động 1**: Hướng dẫn thực hành  - Chia lớp ra thành 4 nhóm.  - Mỗi nhóm ghi đặc điểm vật nuôi.  N1: Đặc điểm các giống bò.  N2: Đặc điểm giống lợn.  N3: Đặc điểm giống gà.  N4: Đặc điểm giống vịt.  **\* Hoạt động 2**: Học sinh thực hành  Giáo viên quan, hướng dẫn học sinh.  **\* Hoạt động 3**: Báo cáo kết quả thực hành.  - Giáo viên nhận xét bổ sung cho chính xác.  - Yêu cầu học sinh các nhóm ghi lại kết quả để vận dụng vào thực tiễn  **\* Hoạt động 4:** Đánh giá kết quả giờ học.  - Căn cứ kết quả phiếu học tập & khả năng thuyết trình.  - Căn cứ ý thức tổ chức kỷ luật. | - Cử nhóm trưởng, thư ký.  - Học sinh thực hành.  - các nhóm báo cáo kết quả |

4. Dặn dò: - Đọc trước bài 25 sgk

Tuần:....Tiết:.... **Bài 25**

Ngày soạn :

**CÁC PHƯƠNG PHÁP NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI VÀ THỦY SẢN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết KN và mục đích của phương pháp nhân giống thuần chủng & phương pháp lai giống vật nuôi & thuỷ sản.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.

**3. Thái độ:**

- Biết vận dụng các phương pháp lai giống để tạo ra các giống vật nuôi, thuỷ sản có năng suất và chất lượng tốt cho gia đình và địa phương.

**II. PHƯƠNG PHÁP**:

- Thảo luận nhóm, cá nhân làm việc, giảng giải.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung bài mới + thông tin bổ sung.

- Nội dung cho học sinh làm việc cá nhân

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Nội dung sgk để làm việc cá nhân.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Sau khi chọn lọc giống vật nuôi chúng ta sẽ nuôi dưỡng & ghép đôi giao phối để nhân giống làm tăng số lượng đàn giống

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. NHÂN GIỐNG THUẦN CHỦNG**:  **1.Khái niệm:**  Là pp cho ghép đôi giao phối giữa 2 cá thể đực và cái cùng 1 giống để có được đời con mang hoàn toàn các đặc tính di truyền của giống đó.  **2 Mục đích:**  **-** Phát triển nhanh số lượng  **-** Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng của giống. | \* **Hoạt động 1**: Tìm hiểu về nhân giống thuần chủng.  - Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và trả lời các câu sau (5’)  + Khái niệm của nhân giống thuần chuẩn?  + Mục đích?  + Phương pháp?  + Kết quả?  - Thu lại và đưa đáp án. | - Học sinh làm việc trên cơ sở nghiên cứu sgk và kiến thức đã biết. |
| **II. LAI GIỐNG:**  **1. Khái niệm:**  Là pp cho ghép đôi giao phối giữa các cá thể khác giống nhằm tạo ra con lai mang những tính trạng di truyền mới, tốt hơn bố mẹ.  **2. Mục đích**  - Làm thay đổi đặc tính di truyền của giống đã có hoặc tạo giốngmới.  - Sử dụng ưu thế lai làm tăng sức sống và khả năng sản xuất ở đời con.  **3. Phương pháp**:  **a. Lai kinh tế:**  - Là giao phối giữa cá thể đực và cá thể cái thuộc những giống thuần chủng khác nhau.  - Kết quả: Tạo đàn giống nuôi lấy sản phẩm có ưu thế lai cao nhất ở F1, không dùng làm giống.  **b. Lai gây thành :**  Dùng 2 hay nhiều giống lai tạo với nhau theo những quy trình nhất định để chọn lọc và nhân lên thành giống mới.  - **Kết quả**: Gây tạo giống mới có các đặc điểm tốt của các giống khác nhau. | **\* Hoạt động 2**: Tìm hiểu lai giống.  - Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi trên giấy.  + Khái niệm lai giống.  + Mục đích.  + Phương pháp.  + Kết quả   * Thu lại và đưa đáp án. * Cho học sinh chấm bài chéo với nhau. | \* Học sinh thảo luận nhóm và trình bày kết quả. |
| **4. Củng cố:**  - Về học bài và trả lời câu hỏi SGK.  - So sánh: Nhân giống thuần chủng và lai giống vật nuôi.  **5. Dặn dò**:  - Đọc trước 2b SGK.  - Hoàn thành bài tập so sánh. | | |

Tuần:.....Tiết:..... **Bài 26**

Ngày soạn :

**SẢN XUẤT GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu được cách tổ chức và đặc điểm của hệ thống nhân giống vật nuôi.

- Hiểu được quy trình sản xuất con giống trong chăn nuôi và thuỷ sản.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.

**3. Thái độ:**

- Liên hệ và vận dụng vào thực tế chăn nuôi.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Hỏi đáp + diễn giảng + thảo luận nhóm.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung bài và các kiến thức có liên quan đến quy trình sản xuất con giống.

- Tranh hình sgk phóng to.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Nội dung SGK.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- 1. Kiến thức: kết quả bảng so sánh, phân biệt các phương pháp nhân giống.

**2. Mở bài:**

- Khi đã có con giống tốt, để muốn tăng số lượng đàn giống  kỹ thuật nhân giống.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. HỆ THỐNG NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI:**  - Hệ thống nhân giống hình tháp là mô hình tổ chức hệ thống nhân giống thuần chủng để tăng về số lượng đàn giống.  **+ Về số lượng:**  Đàn hạt nhân < đàn nhân giống < đàn thương phẩm  **+ Về chất lượng:**  Đàn hạt nhân > đàn nhân giống > đàn thương phẩm.  - Nếu trong hệ thống này mà đàn nhân giống và đàn thương phẩm là con lai thì không tuân theo quy luật của đàn thuần chủng do có ưu thế lai.  - Với hệ thống nhân giống thuần chủng chỉ được phép nhân giống từ đàn hạt nhân  đàn nhân giống đàn thương phẩm, không làm ngược lại. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu hệ thống nhân giống vật nuôi**.  + Thế nào là đàn gia súc và gia cầm?  + Về phẩm giống, số lượng ở các đàn giống khác ở điểm nào?  + Nếu đàn nhân giống thuần chủng sắp xếp như thế nào?  + Nếu hai đàn nhân giống là con lai thì năng suất như thế nào? | - Các vật nuôi cùng loại và khác loại được nuôi. |
| **II. QUY TRÌNH SẢN XUẤT CON GIỐNG:**  **- GIỐNG NHAU**:  Quy trình gồm 4 bước, tuân thủ từ bước bước 4 không làm ngược lại. Mục đích là từ bố mẹ sẽ sản xuất được nhiều con giống tốt.  - **Khác nhau**:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | SX gia súc | SX cá giống | | Bước 1 | - Phối giống  chửa nuôi gia súc mang thai | - Đẻ trứng thụ tinh phát triển trong môi trường tự nhiên. | | Bước 3 | - Nuôi dưỡng cả mẹ, con do con phải bú sữa mẹ. | - Chăm sóc cá bột cá hương  cá giống, cá mẹ đem nuôi ở ao khác. | | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình sản xuất con giống**.  + Sản xuất gia súc diễn ra theo quy trình nào?  + Các bước của quy trình có thể đảo lộn được không?  + Các nhiệm vụ quan trọng của từng bước?  + Đặc điểm quá trình sinh sản phát triển của cá?  + Các công đoạn sản xuất cá giống và gia súc có gì giống và khác nhau? | - nêu những điểm giống nhau và khác nhau. |
| **4. Củng cố:**  - Trả lời câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:**  - Học bài và trả lời câu hỏi SGK.  - Đọc trước bài 27. | | |

Tuần:.....Tiết:..... **Bài 27**

Ngày soạn:

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TẾ BÀO TRONG CÔNG TÁC GIỐNG

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết được KN và cơ sở khoa học của công nghệ cấy truyền phôi bò.

- Nêu được trình tự các công đoạn của công nghệ cấy truyền phôi bò

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng tư duy, phân tích, so sánh.

**3. Thái độ:**

**II. PHƯƠNG PHÁP**:

Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung bài học và kiến thức có liên quan.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Nội dung SGK.

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG NGHỆ CẤY TRUYỀN PHÔI BÒ.**  - **KN**: Cấy truyền phôi bò là đưa phôi từ bò cho phôi vào tử cung bò nhận phôi để phát triển ở đó.  - **Mục đích**: Phát triển nhanh số lượng, chất lượng đàn giống. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu KN và cơ sở khoa học của công nghệ cấy (mô) truyền phôi bò.**  - Thực hiện chủ yếu ở vật nuôi cho sữa: bò sữa, trâu sữa...  + Tại sao công nghệ cấy truyền phôi được coi là công nghệ tế bào?  + Phôi bò khác tế bào sinh dục và sinh dưỡng như thế nào?  + Bò nhận được phôi phải có đặc điểm gì quan trọng để nhận được phôi và phôi có thể phát triển được?  + Làm thế nào để con bò cho phôi và con bò nhận phôi cùng động dục?  + Cấy truyền phôi bò nhằm mục đích gì? | - Hợp tử là 1 tế bào đặc biệt, cấy truyền phôi ứng dụng nghiên cứu tế bào.  - Động dục đồng pha.  - Dùng hoocmôn để gây động dục.  - Phát triển về chất lượng và số lượng. |
| **II. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CẤY TRUYỀN PHÔI BÒ:**  (SGK) | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình công nghệ cấy truyền phôi bò**.  + Để thực hiện cấy truyền phôi bò thành công phải có điều kiện gì?  + Nhiệm vụ của bò cho phôi là gì?  + Đặc điểm của bò nhận phôi là gì?  + Lợi ích của cấy truyền phôi?  + Hãy tóm tắt sơ đồ. | -....  - Cho nhiều phôi chất lượng di truyền tốt.  - Có khả năng sinh sản tốt.  - tăng nhanh số lượng những con giống tốt quý hiếm. |

**4. Củng cố:**

- Trả lời câu hỏi SGK.

**5. Dặn dò:**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài 28

Tuần:....Tiết:..... **Bài 28**

Ngày soạn :

**NHU CẦU DINH DƯỠNG CỦA VẬT NUÔI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết được các loại nhu cầu về chất dinh dưỡng của vật nuôi.

- Biết và phân biệt được tiêu chuẩn khẩu phần ăn của vật nuôi. Biết nguyên tắc phối hợp khẩu phần ăn.

**2. Kỹ năng:**

- Kỹ năng phân tích, so sánh tổng hợp kiến thức.

**3. Thái độ:**

- Vận dụng vào thực tế.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

**2. Chuẩn bị của trò:**

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- Công nghệ cấy truyền phôi là gì?

- Trình bày cơ sở khoa học của việc cấy truyền phôi.

**2. Mở bài:**

Muốn vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt phải cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. NHU CẦU DINH DƯỠNG CỦA VẬT NUÔI**.  Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi bao gồm nhu cầu duy trì và nhu cầu sản xuất.  - Nhu cầu duy trì: lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt và các hoạt động sinh lý trong trạng thái không tăng hoặc giảm khối lượng.  - Nhu cầu sản xuất:lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm: trứng, sữa, sức kéo… | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi**.  + Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là gì? Phân biệt nhu cầu duy trì và nhu cầu sản xuất?  + Vật nuôi lấy sức kéo, gia súc mang thai, lấy trứng ở giống? | Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi bao gồm nhu cầu duy trì và nhu cầu sản xuất. |
| **II. TIÊU CHUẨN ĂN:**  **1. Khái niệm**:  Là những quy định về mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của nó.  **2. Các chỉ số dinh dưỡng biểu thị tiêu chuẩn ăn**  Muốn vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt phải cung cấp đủ các chất theo nhu cầu dinh dưỡng dựa vào các chỉ tiêu: Năng lượng, Prôtein, khoáng và vitamin.  *a. Năng lượng:*  trong các chất, lipit là chất dinh dưỡng giàu năng lượng nhất, tinh bột là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu.  Đơn vị tính:calo hoặc jun  *b. Protein:*  Được dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, các mô và tạo sản phẩm.  Đơn vị tính: số gam protein tiêu hóa/ 1kg thức ăn.  *c. Khoáng:*  - Khoáng đa lượng: Ca, P, Mg, Na…(g/con/ngày)  - Khoáng vi lượng: Fe, Cu, Zn…(mg/con/ngày)  *d. Vitamin:*  Có tác dụng điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể.  Đơn vị tính: mg/kg thức ăn | **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu tiêu chuẩn ăn của vật nuôi**.  + Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là gì?   * vai trò của năng lượng đối với cơ thể vật nuôi? * nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho vật nuôi? * vai trò của Protein đối với cơ thể vật nuôi? * vai trò củaVitamin đối với cơ thể vật nuôi?   Vitamin có nhiều trong loại thức ăn nào? Có vai trò như thế nào? | - Dựa vào sgk trả lời  Tinh bột là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu.    Được dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, các mô và tạo sản phẩm. |
| **III. KHẨU PHẦN ĂN:**  **1. Khái niệm:**  Là tiêu chuẩn ăn đã được cụ thể hóa bằng các loại thức ăn xác định với khối lượng nhất định.  **2. Nguyên tắc phối hợp khẩu phần**  - Tính khoa học: đảm bảo đủ tiêu chuẩn, phù hợp khẩu vị, phù hợp đặc điểm sinh lý tiêu của vật nuôi.  - Tính kinh tế: tận dụng nguồn thức ăn có sẵn ở địa phương nhằm giảm chi phí, hạ giá thành. | **\* Hoạt động 3: Tìm hiểu khẩu phần ăn của vật nuôi:**  + Thế nào là khẩu phần ăn?  + Tại sao khẩu phần ăn phải đảm bảo tính khoa học và tính kinh tế? | - Học sinh dựa vào sgk để trả lời.  - Học sinh dựa vào sgk để trả lời. |
| **4. Củng cố:**  Trả lời các câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:**  - Đọc trước bài 29.  - Trả lời câu hỏi bài 28 vào vở. | | |

Tuần:.....Tiết:... **Bài 29**

Ngày soạn:**SẢN XUẤT THỨC ĂN CHO VẬT NUÔI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh phải biết tên và nêu được những đặc điểm chính của một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi.

- Biết và có thể trình bày quy trình công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi.

- Biết được vai trò quan trọng của thức ăn hỗn hợp trong việc phát triển chăn nuôi.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng phân tích và so sánh, tổng hợp.

**3. Thái độ:**

- Vận dụng kiến thức vào thức tế.

**II. PHƯƠNG PHÁP**: Hỏi đáp + diễn giảng + thảo luận nhóm.

**III. PHƯƠNG TIỆN**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung bài + thông tin bổ sung.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Xem trước bài mới

**IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

- Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là gì?

- Tiêu chuẩn ăn thường được xác định bằng các chỉ số nào?

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. MỘT SỐ LOẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI**.  **1. Một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi:**  - Thức ăn tinh: thức ăn giàu năng lượng và thức ăn giàu protein.  - Thức ăn xanh:rau xanh, cỏ tươi, thức ăn ủ xanh  - Thức ăn thô: rơm ,rạ,cỏ khô  - Thức ăn hỗn hợp: thức ăn hỗn hợp đậm đặc và thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh  **2. Đặc điểm một số loại thức ăn của vật nuôi**  *a. Thức ăn tinh:* có hàm lượng chất dinh dưỡng cao, được sử dụng để nuôi gia cầm, lợn. Cần bảo quản cẩn thận để tránh ẩm mốc,sâu mọt.  *b. Thức ăn xanh:* giàu chất dinh dưỡng,chứa nhiều khoáng và vitamin..  *c. Thức ăn thô:* nghèo chất dinh dưỡng nhưng giàu chất xơ.  *d. Thức ăn hỗn hợp:* được phối trộn theo công thức tính toán sẵn, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi tùy giai đoạn, tùy mục đích. | **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm chính một số loại thức ăn**:  - Thức ăn vật nuôi là gì?  + Nêu tên các loại thức ăn? và đặc điểm của từng loại?  + Thành phần dinh dưỡng của mỗi loại thức ăn?  Đặc điểm của thức ăn tinh?  Đặc điểm của thức ăn xanh?  Đặc điểm của thức ăn thô?  Đặc điểm của thức ăn hỗn hợp? | * Học sinh dựa vào SGK để trả lời.   Học sinh tham khảo sgk trả lời: có hàm lượng chất dinh dưỡng cao, được sử dụng để nuôi gia cầm, lợn. |
| **II. SẢN XUẤT THỨC ĂN HỖN HỢP CHO VẬT NUÔI:**  **1. Vai trò thức ăn** **hỗn hợp:**  **-Kn:** Là loại thức ăn chế biến sẵn gồm đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết tạo nên khẩu phần ăn hoàn chỉnh hoặc gồm một số chất dinh dưỡng cần thiết để bổ sung vào khẩu phần ăn.  **- Vai trò:**  Thức ăn hỗn hợp có tỉ lệ cân bằng các chất dinh dưỡng cao nên mức tiêu thụ ít, năng suất cao, hạ giá thành và đảm bảo xuất khẩu có hiệu quả cao.  **2. Các loại thức ăn** **hỗn hợp:**  - Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: đáp ứng đầy đủ và hợp lý nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi. Khi dùng không cần bổ sung thêm các loại thức ăn khác.  - Thức ăn hỗn hợp đậm đặc: có tỉ lệ protein, khoáng, vitamin cao. Khi sử dụng phải bổ sung thêm các loại thức ăn khác cho phù hợp.  **- Quy trình** **công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp** (SGK) | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp.  + Thế nào là thức ăn hỗn hợp?  + Vai trò của thức ăn hỗn hợp?  + Có những loại thức ăn hỗn hợp nào?  + Hãy phân biệt thức ăn hỗn hợp đậm đặc và hoàn chỉnh?  + Hãy nêu quy trình công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp?  \* Sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng bột có 4 bước.  \* Sản xuất dạng viên thì theo 5 bước. | Thức ăn hỗn hợp có tỉ lệ cân bằng các chất dinh dưỡng cao nên mức tiêu thụ ít, năng suất cao, hạ giá thành  - Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.  - Thức ăn hỗn hợp đậm đặc. |
| **4. Củng cố:**  Trả lời câu hỏi SGK  **5. Dặn dò:**  Xem trước bài 30 | | |

Tiết 27 ; Tuần 23 **Bài 30:**

Ngày soạn:  **THỰC HÀNH: PHỐI HỢP KHẨU PHẦN ĂN CHO VẬT NUÔI**

**I. MỤC TIÊU:**

**II. PHƯƠNG TIỆN: SGK**

**III. THỰC HÀNH:**

**BÀI TẬP 1:**

Phối hợp khẩu phần ăn cho đàn lợn có khối lượng bình quân 45kg. Tỉ lệ Protein trong thức ăn là 15%. Thỉ lệ thóc lép nghiền nhỏ /tấm gạo lẻ là ½.

1. Phối hợp 100kg thức ăn hỗn hợp.

2. Tính giá thành 1kg thức ăn.

3. Ghi bảng giá trị dinh dưỡng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Protein** | **Giá** |
| 1. Thóc lép nghiền nhỏ | 5,3 | 2.200 |
| 2. Tấm gạo lẻ | 8,4 | 2.500 |
| 3. Hỗn hợp đậm đặc | 4,1 | 6.600 |

**BÀI TẬP 2:**

Phối hợp khẩu phần ăn cho bò sữa 300kg thể trọng. Năng suất sữa 10kg/ngày. Tỉ lệ protein trong thức ăn là 10%. Tỉ lệ bắp cải ủ xanh / cỏ voi ta là ¼.

1. Phối hợp đủ 100kg thức ăn hỗn hợp.

2. Tính giá thành 1kg thức ăn hỗn hợp.

3. Ghi bảng giá trị dinh dưỡng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Protein** | **Giá** |
| 1. Cỏ voi ta | 1,9 | 100 |
| 2. Bắp cải ù xanh | 2,2 | 400 |
| 3. Thức ăn hỗn hợp đậm đặc | 3,8 | 5800 |

Tuần .....Tiết..... **Bài 31**

Ngày soạn : **SẢN XUẤT THỨC ĂN NUÔI THỦY SẢN**

**I. Mục tiêu:**

- Học sinh biết được tên và đặc điểm của các loại thức ăn tự nhiên & nhân tạo của cá.

- Biết các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn thức ăn tự nhiên của cá.

- Kể tên và nêu được các biện pháp tăng cường nguồn thức ăn nhân tạo của cá.

- Biết và có thể trình bày được quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + thảo luận nhóm.

**III. Phương tiện**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung bài

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Xem bài mới

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Cơ sở khoa học và các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn thức ăn tự nhiên của cá:**  - Các loại thức ăn tự nhiên của cá có mối quan hệ mật thiết với nhau trong chu trình trao đổi chuyển hoá vật chất năng lượng. Nó chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố lí hoá và chịu tác động của yếu tố sinh học trong đó vai trò của con người rất quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển nguồn thức ăn tự nhiên. | **\* Hoạt động 1**: ***Tìm hiểu cơ sở và các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn thức ăn nuôi cá?***  - Quan sát sơ đồ 31.1 Hãy cho biết thức ăn nuôi cá?  + Nêu đặc điểm của từng loại thức ăn?  + Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thức ăn tự nhiên của cá?  + Cơ sở để áp dụng các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn thức ăn?  + Hãy nêu tên và nêu được mục đích của các biện pháp phát triển và phát triển nguồn thức ăn?  + Bón phân cho vực nước nhằm mục đích gì ?  + Tại sao quản lí, bảo vệ tốt nguồn nước lại là phát triển nguồn thức ăn tự nhiên?  + Cá co ăn được phân đạm lân không?  + Bón phân cho vực nước có tác dụng gì? | - Không.  - Tính chất vẫn mùn bã hữu cơ. |
| **II. Sản xuất thức ăn nhân tạo:**  ***1. Vai trò:***  Bổ sung thức ăn nhân tạo vỗ béo cá làm năng suất tăng nhanh, sản lượng cao do thức ăn đầy đủ. dinh dưỡng để tiến hoá, cá tận dụng triệt để thức ăn làm cho hiệu suất sử dụng thức ăn cao, giá thành hạ.  ***2. Các loại thức ăn:*** Có 3 nhóm thức ăn: Thức ăn tinh, thức ăn thô, thức ăn hỗn hợp.  ***3. Sản xuất thức ăn hỗn hợp*** (SGK) | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu việc sản xuất thức ăn nhân tạ nuôi thuỷ sản:  + Thức ăn nhân tạo có vai trò gì?  + Có mấy nhóm thức ăn? nêu đặc điểm từng nhóm?  + Trình bày quy trình sản xuất.  + So sánh với quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi. |  |
| **4. Củng cố:**  Trả lời các câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới. | | |

Tuần : .....Tiết ... **Bài 33**

Ngày soạn : **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH ĐỂ SẢN XUẤT THỨC ĂN**

**CHĂN NUÔI**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết sơ sở khoa học của việc ứng dụng công nghệ vi sinh trong chế biến và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Biết nguyên lí của việc chế biến thức ăn chăn nuôi bằng công nghệ vi sinh vật.

- Biết mô tả được quy trình sản xuất thức ăn giàu protein và vitamin từ vi sinh.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng: phân tích so sánh tổng hợp....

**3. Thái độ:**

- Vận dụng vào thực tiễn: Chế biến bột sắn ngheo dinh dưỡng.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện**:

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung sgk, nội dung có liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của trò:**

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Để tăng hàm lượng Protein trong thức ăn người ta ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất phân bón.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Cơ sở khoa học:**  Cơ sở khoa học của việc ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất và chế biến thức ăn là dùng một số chủng vsv (nấm, vi khuẩn) có lợi nhất định, cho chúng phát triển thuận lợi trong thức ăn giàu tinh bột để tăng nhanh số lượng. Khi dùng thức ăn này ngoài chất dinh dưỡng thức ăn cộng với dinh dưỡng do vsv tạo ra và protein của vsv. Đây là nguồn cung cấp protein quan trọng cho vật nuôi. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ sở khoa học.***  + Tại sao dùng nấm men hay vk có ích để ủ lên men thức ăn lại nâng cao chất lượng thức ăn?  + Những điều kiện nào để vi sinh vật lên men thức ăn phát triển thuận lợi? | + pro thức + pro vsv + chất dinh dưỡng do vsv tiết.  + T0, độ ẩm thích hợp. |
| **II. Ứng dụng công nghệ VS để chế biến thức ăn chăn nuôi**:  - **Nguyên lí**: Cấy chủng nấm hay vk có ích vào thức ăn và tạo điều kiện thuận lợi để chúng phát triển, sản phẩm thu được sẽ là thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao hơn.  - Vận dụng cơ sở theo khoa học và nguyên lý ứng dụng công nghệ vs để chế biến thức ăn chăn nuôi được thể hiện thông qua quy trình chế biến bột sắn 1,7 % pro thành bột sắn giàu pro (27  35%pro). | ***\* Hoạt động 2:: Tìm hiểu quy trình***  + Yêu cầu học sinh trình bày quy trình chế biến bột sắn giàu pro.  + Tại sao bột sắn từ 1,7% pro tăng lên 35% pro?  + Ở địa phương em có chế biến thức ăn bằng phương pháp vs không? cho vd? | - Do nấm phát triển mạnh, prô tăng lên làm nguồn thức ăn tăng lên.  - Có. Vd Cho ăn hèm trộn tấm cám. |
| **III. Ứng dụng công nghệ VS để sản xuất thức ăn CN:**  - **Nguyên liệu**: Dầu mỏ, paraphin, phế liệu nhà máy đường...  - **ĐK sản xuất**: Nhiệt độ ẩm thuận lợi để vsv phát triển thuận lợi trên nguồn nguyên liệu.  - **Sản phẩm**: Thức ăn giàu protein và vitamin.  - **Lợi ích**: Tạo nguồn thức ăn giàu đạm vi sinh vật từ các nguyên liệu phế thải nghèo protein và dinh dưỡng. | ***\* Hoạt động 3:*** ***Tìm hiểu ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất thức ăn chăn nuôi***.  Y/c Hs thảo luận về ứng dụng công nghệ VS để sản xuất thức ăn CN  Gv chốt lại | -Đọc thông tin SGK và thảo luận, sau đó cử đại diện trình bày  -Nhóm khác nhận xét bổ sung |
| **4. Củng cố:**  Trả lời câu hỏi sgk.  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới. | | |

Tuần ....Tiết...  **Bài 34**

Ngày soạn : **TẠO MÔI TRƯỜNG SỐNG CHO VẬT NUÔI VÀ THỦY SẢN**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Biết được một số yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng chuồng trại chăn nuôi.

- Biết được tầm quan trọng và phương pháp xử lí chất thải chống ô nhiễm môi trường.

- Biết được tiêu chuẩn của ao nuôi cá và quy trình chuẩn bị ao nuôi cá.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng phân tích, so sánh tổng hợp.

**3. Thái độ:**- Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường sống tốt cho vật nuôi và thuỷ sản.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện**:

- Chuẩn bị nội dung bài mới + nội dung có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Xây dựng chuồng trại chăn nuôi:**  ***1. Yêu cầu kỹ thuật***.  - Muốn xây dựng chuồng trại phải chú ý 4 khâu kỹ thuật: Địa điểm hướng chuồng và kiến trúc xây dựng.  ***2. Xử lí chất thải chống ô nhiễm môi trường:***  Để giữ vệ sinh môi trường, chất thải chăn nuôi phải ủ hoặc làm hệ thống biogar | ***\* Hoạt động 1: Xây dựng chuồng trại chăn nuôi:***  + Xây dựng chuồng trại chăn nuôi cần đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật nào?  + Địa điểm?  + Hướng chuồng thì hướng nào là tốt nhất?  + Nền chuồng như thế nào?  + Kiến trúc xây dựng ra sao?  + Tại sao lại phải xử lí tốt chất thải chăn nuôi?  + Trình bày và giải thích hệ thống biogas.  + Xử lí bằng công nghệ biogas có lợi gì? | -Hs phát biểu cá nhân  -Hs phát biểu cá nhân:  Để giữ vệ sinh môi trường, chất thải chăn nuôi phải ủ hoặc làm hệ thống biogar |
| **III. Chuẩn bị ao nuôi cá:**  ***1. Tiêu chuẩn ao nuôi cá (******sgk)***  ***2. Quy trình chuẩn bị ao nuôi cá****:*  - Tát ao.  - Khử chua và diệt khuẩn.  - Cải tạo đáy ao, bờ cống.  - Bón lót bằng phân chuồng.  - Phơi đáy ao 2 – 4 ngày.  - Tháo nước vào ao | ***\* Hoạt động 3:*** ***Tìm hiểu công tác chuẩn bị ao nuôi cá.***  + Trong các tiêu chuẩn của ao nuôi cá, tiêu chuẩn nào là quan trọng nhất?  + Mục đích của việc chuẩn bị ao nuôi cá? | -Đọc thông tin SGK  -Trả lời cá nhân |
| **4. Củng cố:**  Trả lời câu hỏi cuối bài.  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới. | | |

Tuần ....Tiết :.... Bài 35

Ngày soạn : **ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN BỆNH Ở VẬT NUÔI**

**I. Mục tiêu:**

- Biết được tên các loại mầm bệnh thường gây bệnh cho vật nuôi.

- Biết được các điều kiện phát sinh và phát triển bệnh ở vật nuôi.

- Biết được mối liên quan giữa các điều kiện phát sinh phát triển bệnh ở vật nuôi.

- Hình thành học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và biết cách chăm sóc bảo vệ an toàn cho vật nuôi và sức khoẻ con người.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện**:

- Tranh ảnh có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Các điều kiện phát sinh và phát triển bệnh ở** **vật nuôi.**  ***1. Các loại mầm bệnh:***  Các loại mầm bệnh là virut, vk thường gây nên các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bào tử nấm thường làm cho vật nuôi bệnh đường hô hấp, ngộ độc thức ăn các loại ký sinh trùng làm cho cá vật nuôi gầy, yếu, chết.  ***2. Yếu tố môi trường và điều kiện sống:***  Yếu tố môi trường tốt có thể có lợi cho vật nuôi và không có lợi cho mầm bệnh. Ngược lại mầm bệnh phát triển nhiều bệnh phát sinh  ***3. Bản thân con vật:***  Nếu có sức khoẻ tốt thì sức đề kháng bệnh tật tốt, ít mắc bệnh, nếu ốm yếu mắc bệnh nhiều | \* Hoạt động 1: Tìm hiểu các điều kiện phát sinh và phát triển bệnh ở vật nuôi.  + Mầm bệnh là gì?  + Vật nuôi bị nhiễm vk, virut là những loại bệnh gì?  + Bệnh nấm có truyền nhiễm không?  + Hể có mầm bệnh là phát triển thành bệnh phải không?  + Tại sao môi trường là một nhân tố điều kiện phát sinh và phát triển bệnh?  + Để hạn chế bệnh tật phải tác động vào môi trường và điều kiện sống như thế nào?  + Những loại vật nuôi nào thường hay mắc bệnh?  + Phân tích mối quan hệ giữa điều kiện phát sinh và phát triển bệnh ở vật nuôi? | - Phát biểu cá nhân  - Phát biểu |
| **II. Sự liên quan giữa các điều kiện phát sinh và phát triển bệnh**:  Có mầm bệnh nhiều, môi trường thuận lợi cho mầm bệnh phát sinh, phát triển và phát tán, vật nuôi yếu không được tiêm phòng. | ***\* Hoạt động 2: Tìm hiểu mối liên quan giữa các điều kiện phát sinh và phát triển bệnh***.  + Trường hợp nào thì bệnh có thể phát triển thành dịch lớn?  + Làm thế nào để hạn chế lây nhiễm bệnh, dịch bệnh. | - Phát biểu |
| **4. Củng cố:**  Trả lời câu hỏi cuối bài.  **5. Dặn dò:**  Học bài Xem thông tin bổ sung cuối bài. | | |

Tuần.....Tiết :....

Ngày soạn :

**Bài 36 Thực hành**

**QUAN SÁT TRIỆU CHỨNG, BỆNH TÍCH CỦA GÀ BỊ MẮC BỆNH NIU CÁT**

**XƠN (NEWCASTLE) VÀ CÁ TRẮM CỎ BỊ BỆNH XUẤT HUYẾT DO VIRUT**

**I. Mục tiêu:**

- Biết cách quan sát và mô tả được những triệu chứng bệnh tích điển hình của gà bị mắc bệnh Newcastle và cá trắm cỏ.

- Thực hiện đúng quy trình công nghệ.

- Có ý thức giữ gìn vệ sinh, an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện**:

- Xem kỹ nội dung SGK + thông tin bổ sung.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Thực hành:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| * Cho học sinh quan sát hình sgk. * Cho học sinh nhận dạng đặc điểm từng bệnh ở gà và cá. | - Học sinh quan sát 12 hình sgk. |
| **3. Củng cố, đánh giá:**  - Giáo viên đánh giá lại bài thực hành.  **4. Dặn dò:**  Xem tiếp bài mới. |  |

Tuần .....Tiết.... **Bài 37, 38**

Ngày soạn : **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG SẢN XUẤT**

**VACXIN VÀ THUỐC KHÁNG SINH**

**I. Mục tiêu:**

- Biết được cơ sở khoa học của việc ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất vacxin và thuốc kháng sinh.

- Vacxin vxf thuốc kháng sinh là gì? có mấy loại vacxin và quy trình sản xuất vacxin và thuốc kháng sinh.

**II. Phương pháp**: Sưu tầm tranh ảnh mẫu vật như lọ vacxin hoocmon, kháng sinh được sản xuất bằng công nghệ sinh học.

**III. Phương tiện**:

- Xem kỹ nội dung SGK + thông tin bổ sung.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Cơ sở khoa học:**  - Đó là kỹ thuật cấy ghép một đoạn gen cần thiết từ phân tử ADN này sang phân tử ADN khác gồm các bước:  **Bước 1:**  Cắt một đoạn gen cần thiết trên ADN.  **Bước 2:**  Ghép ADN vừa cắt với ADN của truyền tạo nên ADN tái tổ hợp (TT ; VR, plasmit ).  **Bước 3:**  Chuyển ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận.  **Bước 4:**  Lấy sản phẩm của gen ghép khi nó hđ trong tb nhận. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ sở khoa học của việc ứng dụng CNVS sx vacxin, kháng sinh.***  + CNSH là gì?  + Cơ sở khoa học của công nghệ gen trong sản xuất vacxin và kháng sinh là gì?  Vd: E. Ecolirt chỉ cắt ADN ở giữa G và A. E. HirdIII. cắt giữa A & A. | - Là kỹ thuật sử dụng các đối tượng sống. các quá trình sh trong cơ thể sống  sx chế phẩm. |
| **II. Ứng dụng CNG trong sản xuất Vacxin**.  ***1. Vacxin:* (****sgk)**  ***2. Quy trình:***  B1: Tìm gen có tính kháng nguyên cao trong tế bào VR gây bệnh lỡ mồm long móng.  B2: Dùng Enjym cắt lấy đoạn gen này.  B3: Ghép vào thể truyền cơ thể là VR hay plasmit.  B4: Cấy ghép ADN tái tổ hợp vào tb nhận (VK).  B5 Chiết tách sản phẩm đẻ chế tạo Vacxin.  **III. Ứng dụng công nghệ gen sản xuất thuốc kháng sinh: Có 2 phương pháp**.  - Nuôi cấy nấm đẻ chiết lấy dịch tiết của chúng trong môi trường nuôi cấy và tinh chế để tạo ra kháng sinh.  - Ứng dụng công nghệ gen để sx. | ***\* Hoạt động 2: Tìm ứng dụng công nghệ gen trong sản xuất vacxin***.  + Vacxin là gì? tác dụng? sử dụng vacxin như thế nào?  + Có mấy loại vacxin? bảo quản như thế nào?  + Hãy kể một số loại vacxin mà em biết?  + Trình bày quy trình sản xuất Vacxin tái tổ hợp?  + Lợi ích của việc sx Vacxin bằng công nghệ gen?  + Có mấy phương pháp sx thuốc kháng sinh? | - Nhanh, nhiều, an toàn, hạ giá thành. |
| **3. Củng cố, đánh giá:**  - Trả lời câu hỏi sgk  **4. Dặn dò:**  Xem tiếp bài mới ; ôn tập chương chuẩn bị kiểm tra 1 tiết | | |

Tuần .... Tiết....

Ngày soạn : .....  **KIỂM TRA 1 TIẾT**

Ngày dạy :.....

**I. Mục tiêu:**

**-** Biết và hiểu các kiến thức trọng tâm.

- Vận dụng được kiến thức vào thực tế.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Chuẩn bị của thầy**:

- Nội dung đè kiểm tra, đáp án, biểu điểm.

**2. Chuẩn bị của trò:**

- Ôn bài

**III. Nội dung đề:**

**IV. Đáp án:**

Tuần....Tiết.... **Bài 40**

Ngày soạn :

**MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CÔNG TÁC BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

**I. Mục tiêu:**

- Nêu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến N, l, TS.

- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nông, lâm, thuỷ sản.

- Có ý thức bảo quản, chế biến N, L, TS.

**II. Phương pháp**

**III. Phương tiện**: Tham khảo thông tin bổ sung sgk.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến:**  ***1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản.***  - Duy trì đặc tính ban đầu của N, L, TS.  - Hạn chế tổn thất về số lượng và chất lượng.  - Bảo quản trong kho, kho Silô, kho lạnh.  ***2. Mục đích, ý nghĩa của công tác chế biến.***  - Duy trì nâng cao chất lượng sản phẩm.  - Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.  - Thuận lợi cho công tác bảo quản. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu, mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, cb***.  + Bảo quản tóc lúa như thế nào?  + Tre gỗ bảo quản bằng cách nào?  + Thuỷ sản bảo quản như thế nào?  + Hãy kể các hoạt động chế biến nong, lâm, TS.  + Nêu mục đích, ý nghĩa của các hoạt động chế biến đó là gì? | - Phơi khô, quạt sạch... giảm nước trong hạt, loại bỏ tạp chất trong hạt.  - Ngâm nước.  - Phơi khô, đông lạnh. |
| **II. Đặc điểm của nông lâm, TS.**  - Là lương thực, thực phẩm cung cấp chất dinh dưỡng.  - Là nguồn nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến.  - Thường chứa nhiều nước, dễ bị vsv xâm nhiễm. | \* Hoạt động 2: Các đặc điểm của N, L, TS.  + Vai trò của N, L, TS.  + Trong điều kiện bình thường, vì sao N, L, TS khó bảo quản? | - SGK |
| **III. Anh hưởng của điều kiện môi trường.**  - Điều kiện môi trường ảnh hưởng  N, L, TS là độ ẩm, Tvà vsv gây hại. Thiệt hại có thể tăng cao nếu cả 2 yếu tố, T và độ ẩm đều tăng. | ***\* Hoạt động 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của đk môi trường.***  + ĐK nào ảnh hưởng 🡪 N, L, TS |  |
| **3. Củng cố, đánh giá:**  - Trả lời câu hỏi sgk  **4. Dặn dò:**  Xem tiếp bài mới | | |

Tuần....Tiết.... **Bài 41**

Ngày soạn :

**BẢO QUẢN HẠT, CỦ LÀM GIỐNG**

**I. Mục tiêu:**

- Nêu mục đích phương pháp bảo quản củ, hạt làm giống.

- Vận dụng kiến thức về bảo quản hạt, củ giống vào thực tế.

**II. Phương pháp**

**III. Phương tiện**:

- Chuẩn bị tranh ảnh có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **H.ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| ***I. Bảo quản hạt giống:***  **1. Tiêu chuẩn hạt giống:**  - Chất lượng cao.  - Thuần chủng.  - Không sâu bệnh.  **2. Các phương pháp bảo quản**:  - Bảo quản ngắn hạn: Bảo quản ở ĐK lạnh, t0 00c.  - Bảo quản dài hạn: Bảo quản ở ĐK lạnh đông – 100c.  **3. Quy trình**:  Thu hoạch  tách hạt  phân loại và làm khô  xử lí bảo quản đóng gói  bảo quản | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động bảo quản*** ***giống:*** + Mục đích của việc bảo quản hạt giống là gì?  + Thế nào là hạt giống đạt tiêu chuẩn?  - Ngắn hạn: dưới 1 năm, trung hạn <20 năm, dài hạn > 20 năm.  + Để bảo quản hạt giống. hạt giống cần đạt những yêu cầu gì?  + Chú ý những yếu tố môi trường nào trong bảo quản?  + Nêu tóm tắt quy trình bảo quản?  + Phân loại làm sạch, làm khô có ý nghĩa gì?  + Hạt làm khô = những phương pháp nào?  + Có mấy phương pháp bảo quản hạt giống? | -Phát biểu cá nhân |
| ***II. Bảo quản củ giống:***  **1. Tính chất của củ giống**:  - Chất lượng cao.  - Đồng đều, không quá già, quá non.  - Không sâu bệnh.  - Còn nguyên vẹn.  - Khả năng nẩy mầm cao.  - Không lẫn giống khác.  **2. Quy trình**:  Thu hoạch  làm sạch, phân loại  xử lí phòng chống vsv gây hại  xử lí ức chế nảy mầm n?y m?m bảo quản | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động bảo quản củ.  + Thời gian bảo quản củ giống và hạt giống có gì khác?  + Nêu tóm tắt quy trình bảo quản củ giống  + Quy trình này khác gì với quy trình bảo quản hạt giống?  + Bảo quản khoai tây người ta bảo quản như thế nào? | -Phát biểu cá nhân  -Phát biểu cá nhân |
| **3. Củng cố, đánh giá:**  - Bằng các câu hỏi trắc nghiệm  **4. Dặn dò:** Xem tiếp bài mới Trả lời câu hỏi cuối bài. | | |

Tuần ....Tiết ....

**Bài 42, 44**

**Bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm**

Ngày soạn :

**I. Mục tiêu:**

- Biết các loại kho bảo quản lương thực.

- Trình bày một số phương pháp quy trình bảo quản thóc, ngô, khoai lang, sắn và rau quả tươi.

- Biết cách chế biến gạo từ thóc.

- Biết công nghệ chế biến rau quả.

- Vận dụng kiến thức vào thực tế.

**II. Phương pháp**: Hỏi đáp + diễn giảng + học nhóm.

**III. Phương tiện**:

Chuẩn bị tranh ảnh có liên quan.

**IV. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Bảo quản**:  ***1. Lương thực****.*  - Kho.  - Kho silô.  ***2. Rau quả tươi.***  - Bảo quản lạnh.  - Bảo quản trong môi trường khí biến đổi.  - Bảo quản bằng hoá chất.  - Bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu công tác bảo quản lương thực thực phẩm***.  + Bảo quản lương thực bằng phương tiện nào?  + Gàm thông gió? Tường dày để làm gì?  + Rau quả tươi người ta bảo quản bằng cách nào?  + Nếu các quy trình bảo quản thóc, ngô; khoai lang ; khoai lang tươi... |  |
| **II. Chế biến**:   1. ***Lương thực.*** 2. ***Rau quả tươi****.*  * Đóng hộp. * Sấy khô. * Nước uống. * Muối chua, lên men rượu. | \* Hoạt động 2: Tìm hiểu công tác chế biến.  + Nêu quy trình chế biến gạo từ thóc.  + Nêu các sản phẩm được chế biến từ rau, quả tươi. |  |
| **3. Củng cố:**  - Bằng các câu hỏi trắc nghiệm  **4. Dặn dò:**  Xem tiếp bài mới Trả lời câu hỏi cuối bài. | | |

Tuần .....Tiết.... **Bài 43, 46**

Ngày soạn : Bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi, thủy sản

**I. Mục tiêu:**

**-** Biết các phương pháp chế biến, bảo quản thịt cá.

- Biết được tầm quan trọng của việc bảo quản các loại thức ăn này..

**II. Phương tiện**:

Tranh ảnh có liên quan đến hoạt động bảo quản

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Giới thiệu bài.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Bảo quản:**  SGK | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động bảo quản sản phẩm chăn nuôi, thuỷ sản.***  - Nêu phương pháp bảo quản sản phẩm - Cá nhân, TS, (cá, thịt, trứng, sữa ).  - Nêu quy trình bảo quản của từng sản phẩm. | - Xem SGK nêu phương pháp và quy trình. |
| **II. Bảo quản / chế biến**  SGK | ***\* Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động chế biến sản phẩm – CN,TS***  - Nêu các phương pháp chế biến, thịt, cá, sữa.  - Nêu quy trình chế biến. | - Nêu theo SGK |
| **4. Củng cố:**  Trả lời câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới | |  |

**Bài 48: Chế Biến Sản Phẩm Cây Công Nghiệp Và Lâm Sản**

Tuần.....Tiết.....

Ngày soạn :

**I. Mục tiêu:**

**-** Biết phương pháp chế biếnvà quy trình công nghệ chế biến chè, cà phê.

- Biết một số lâm sản là sản phẩm phục vụ đời sống con người.

**II. Phương tiện**:

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Chế biến cây công nghiệp**  ***1. Chế biến chè xanh (trà)***  - Chế biến chè xanh.  - Chè đen.  - Chè vàng.  - Chè đỏ.  ***2. Chế biến cà phê nhân****:*  - Chế biến cà phê ướt.  - Chế biến cà phê khô.  **II. Một số sản phẩm lâm sản:**   * Bàn ghế. * Nhà cửa. * Giấy   \* Quy trình làm bột giấy.  Bước 1: Thu gom, xử lý nguyên liệu  Bước 2: Nấu bột giấy.  Bước 3: Rửa bột.  Bước 4: Lọc cát.  Bước 5: Sáng tinh.  Bước 6: Xeo tấm.  Bước 7: Sấy khô, đóng kiện.  Bước 8: Nhập kho để sản xuất giấy. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động chế biến cây công nghiệp***.  - Hãy kể tên một số loại chè thường dùng?  - Trình bảy qui trình chế biến chè xanh.  - Có mấy phương pháp chế biến cà phê?  - Chế biến ướt và khô có gì khác?  - Nêu qui trình chế biến?  ***\*. Một số sản phẩm lâm sản.***  - Nêu một số vật dụng có ở nhà hằng ngày. |  |
| **4. Củng cố:**  - Trả lời câu hỏi cuối bài.  **5. Dặn dò:**  - Ôn lại kiến thức của chương. | |  |

**Chương IV**.

**DOANH NGHIỆP VÀ LỰA CHỌN LĨNH VỰC KINH DOANH**.

**Bài 50**

**DOANH NGHỊÊP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**CỦA DOANH NGHIỆP**

Tuần.....Tiết .....

Ngày soạn :

**I. Mục tiêu:**

- Học sinh thế nào là kinh doanh hộ gia đình.

- Biết được nhưng thuận lợi khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ.

- Biết được các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ

**II. Phương tiện**:

Chuẩn bị tranh ảnh hoặc ví dụ về hoạt động kinh doanh.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Kinh doanh hộ gia đình**:  ***1. Đặc điểm.***  - KD hộ gia đình: gồm: sản xuất, dịch vụ, thương mại.  - Chủ KD: Cá nhân.  - Quy mô nhỏ.  - Công nghệ KD đơn giản.  - Lao động là người thân trong gia đình. | ***\* Hoạt động 1: Đặc điểm kinh*** doanh hộ gia đình.  + Sản xuất?  + Dịch vụ?  + Thương mại?  - Phân tích ví dụ KD gà vịt. |  |
| ***2. Tổ chức hoạt động KD****:*  **a/ Vốn kinh doanh**.  - Tổ chức vốn: Vốn cố định và và vốn lưu động.  **b. Tổ chức sử dụng lao động.**  - Lao động gia đình.  - Tổ chức sử dụng lao động linh hoạt | ***\* Hoạt động 2: Tổ chức hoạt động kinh doanh:***  + Vốn cố định?  + Vốn lưu động? |  |
| ***3. Xây dựng KH KD***  **a. kế hoạch bán sản phẩm**.  Mức bản SP Tổng số lượng SP Số SP gia đình  Ra thị trường = SX ra - Tự tiêu dùng  **b. Kế hoạch thu gom SP để bán**.  - Mua gom sản phẩm là 1 hoạt động thương mại, lượng sản phẩm mua sẽ phụ thuộc vào khả năng và nhu cầu của người bán ra.  **II. Doanh nghiệp nhỏ**.  ***1. Đặc điểm***  - Doanh thu không nhiều.  - Lao động ít.  - Vốn ít.  **2. Những thuận lợi và khó khăn:**  **a. Thuận lợi**.  - Tổ chức hoạt động KD linh hoạt.  - Dễ quản lý chặt chẽ và hiệu quả.  - Dễ đổi mới CN.  **b. Khó khăn**.  - Vốn ít khó đầu tư đồng bộ.  - Thường thiếu thông tin về thị trường.  - Trình độ lao động thấp.  - Trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp.  ***3. Các lĩnh vực KD thích hợp với DNN***  **a. SX hàng hoá**.  - SX lương thực, thực phẩm  - SX hàng - CN tiêu dùng  **b. HĐ mua bán.**  - Đại lý bán hàng.  - Bán lẻ hàng hoá.  **c. HĐ dịch vụ.**  Internet, cho thuê truyện, sửa chữa... | \* Hoạt động 3: Xây dựng kế hoạch kd  - Phân tích: VD1,2,3  - Phân tích: VD4  - Phân tích VD: Tiệm tạp hoá. |  |
| **4. Củng cố:**  - Dặn về nhà  - Câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:**  - Xem bài mới. | |  |

Tiết 42, 43 ; Tuần 31

Ngày soạn :......

Ngày dạy :.....

**Bài 51**

**Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh**

**I. Mục tiêu:**

- Biết được căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh.

- Biết được các bước lựa chọn lĩnh vực KD

**II. Phương tiện**:

Sưu tầm VD thực tế. đọc tài liệu qua báo KD.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| ***I. Xác định lĩnh vực kinh doanh.***  - Gồm: SX, thương mại, dịch vụ.  **1. Căn cứ xác định lĩnh vực KD**  - Thị Trường có nhu cầu.  - Đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của DN.  - Huy động có hiệu quả mọi nguồn lực của DN và XH.  - Hạn chế nhất những rủi ro cho DN.  **2. Xác định lĩnh vực kinh doanh phù hợp**.  - Phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của pháp luật.  - Phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.  - Phù hợp với nhu cầu khả năng của thị trường.  ***II. Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh***:  **1.Phân tích:**  - Phân tích môi trường kinh doanh.  - Phân tích đánh giá năng lực đội ngũ lao động.  - Khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.  - Điều kiện về kỹ thuật công nghệ.  - PT tài chính.  **2. Quyết định lựa chọn:**  - Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh cho doanh nghiệp phải được tiến hành một cách thận trọng, đảm bảo tính hiện thực và hiệu quả của các qđ. | **\* Hoạt động 1:**  - Có mấy lĩnh vực kinh doanh? cho biết thế nào là sản xuất, thương mại, dịch vụ.  - Cho ví dụ: Bán Ăngten.  - Kinh doanh như thế nào là phù hợp?  - Kinh doanh ở thành thị, nông thôn, miền núi. |  |
| **4. Củng cố:** - Câu hỏi SGK.  **5. Dặn dò:** - Xem bài mới. | |  |

**Bài 52**

**LỰA CHỌN CƠ HỘI KINH DOANH**

Tiết 44; Tuần 32

Ngày soạn :....

Ngày dạy :....

**I. Mục tiêu:**

- Giúp học sinh phân tích một số tình huống kinh doanh.

- Biết lựa chọn và xác định cơ hội phù hợp.

**II. Phương tiện**:

Chuẩn bị nghiên cứu 4 tình huống ở SGK.

III. Phương pháp thực hành

- Thực hành theo nhóm và báo cáo kết quả thực hành.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

**3. Thực hành:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **\* Hoạt động 1: Giới thiệu và phân nhóm thực hành.**  - N1: Trả lời câu hỏi 1, 2, 3.  - N2: 4, 5, 9.  - N3: 6, 7, 8.  - N4: Xem tất cả các câu hỏi để nhận xét  **\* Hoạt động 2: Tổng kết đánh giá** | - Học sinh thảo luận nhóm (15’)  + 1: Khởi ng phù hợp với hoàn cảnh thực tế nào  + 2: Phù hợp  + 3: Phát triển kinh doanh từ quy mô nhỏ đến lớn.  + 4: A T vay vốn.  + 5: Có hiệu quả  + 8: Mục đích đúng. |
| **4. Dặn dò:**  Đ ọc bài đọc thêm, xem bài mới |  |

**Chương V**

**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Tiết 45 ; Tuần 32

Ngày soạn :....

Ngày dạy :....

**Bài 53**:

Xác định kế hoạch kinh doanh

**I. Mục tiêu:**

- Biết được các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh.

- Biết được nội dung phương pháp xác định KH KD cho DN KD, thương mại dịch vụ.

- Rèn luyện tính kế hoạch, tính phương pháp trong học tập và lao động.

**II. Phương tiện**:

* Chuẩn bị nội dung SGK.
* Chuẩn bị đọc tài liệu tham khảo 1. Kiến thức:, DN.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Giới thiệu chương bài.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Căn cứ lập KHKD của DN**:  - Lập KHKD của DN thường căn cứ vào 4 yếu tố cơ bản: Nhu cầu thị trường, tình hình phát triển KTXH, pháp luật hiện hành và khả năng của DN. | ***\* Hoạt động 1: Tìm hiểu căn cứ lập KHKD***.  + GV dựa vào hình 53.1 sgk giải thích.  + Lập KHKD của DN căn cứ vào đâu?  + Bán theo nhu cầu thị trường, như vậy có phải bán bất cứ thứ gì không?  + Hãy kể tên các sản phẩm hàng hoá đang có trên nhu cầu thị trường hiện nay?  + Ở địa phương em có thế mạnh về SX mặt hàng nào?  + Thu nhập bình quân của gia đình em là bao nhiêu?  + Mặt hàng nào mà gia đình phải mua hàng ngày?  + Nên KD loại gì? Nhỏ hay lớn? | - Không.  - Học sinh kể.  - SX LTTP. |
| **II. Nội dung và phương pháp lập KHKD.**  ***1. Nội dung KHKD.***  - KH bán hàng.  - KH mua hàng.  - KH tài chính.  - KH lao động.  - KH SX.  ***2. Phương pháp lập KHKD (sgk****)* | \* Hoạt động 2: Nghiên cứu nội dung và phương pháp lập luận KHKD.  + Yêu cầu học sinh nêu nội dung chính.  + Dựa vào nội dung KH cho ví dụ và phân tích.  VD: Mức bán hàng thực tế của DN năm qua là 5 tỉ đồng. Năm nay dự kiến phấn đấu tăng 200 triệu đồng. Hãy xác định KH bán hàng của DN năm nay. | - Học sinh làm việc cá nhân. |
| **4. Củng cố**:  Tóm tắt nội dung chính của bài.  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới. | |  |

**Bài 54**

**THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

Tiết 46 ; Tuần 33

Ngày soạn :.......

Ngày dạy :.......

**I. Mục tiêu:**

- Biết các bước triển khai việc thành lập doanh nghiệp

**II. Phương tiện**:

- Nghiên cứu nội dung sgk và tài liệu tham khảo.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Giới thiệu bài mới

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Xác định ý tưởng kinh doanh**:  - Muốn làm giàu cho bản thân và xã hội.  - Muốn thử sức.  - Muốn khai thác nguồn lực gia đình, bạn bè, XH (tiền, nhàn rỗi, sức lao động, ưu thế mặt hàng KD )  - Muốn kiếm sống và tự khẳng định mình.  **II. Triển khai việc thành lập doanh nghiệp (sgk)** | **\* Hoạt động 1: Xác định ý tưởng kinh doanh.**  + Cho ví dụ về loại hình kinh doanh? Mục đích của việc kinh doanh là gì? |  |
| **4. Củng cố**:  - Trả lời câu hỏi cuối bài  **5. Dặn dò:**  Xem bài mới. | |  |

**Bài 55**

**QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Tiết 47 ; Tuần 33

- Ngày soạn :.......

- Ngày dạy :.......

**I. Mục tiêu:**

- Biết được tổ chức hđ KD của DN.

- Biết nội dung và phương pháp đánh giá hiệu quả KD của DN.

- Biết được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**II. Phương tiện**:

Nghiên cứu nội dung sgk và tài liệu tham khảo.

**III. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định - kiểm tra bài cũ**:

**2. Mở bài:**

Giới thiệu bài.

**3. Phát triển bài:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG BÀI** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **I. Tổ chức hoạt động kinh doanh:**  ***1. Xác lập cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp****.*  a/ Đặc trưng của cơ cấu tổ chức DN.  - Có 2 tính đặc trưng: Tính tập trung và tính tiêu chuẩn hoá.  b/ Mô hình cơ cấu tổ chức doanh nghiệp.  - Doanh nghiệp nhỏ có mô hình tổ chức sau:  + Quyền quản lí doanh nghiệp là giám đốc doanh nghiệp.  + Ít đầu mối quản lí, số lượng nhân viên ít.  + Cấu trúc gọn nhẹ, dễ thích nghi với những đổi thay của môi trường kinh doanh.  ***2. Tổ chức thực hiện kế hoạch KD***.  a. Phân chia nguồn lực của doanh nghiệp.  + Tài chính, nhân lực và nguồn khác. b. Theo dõi thực hiện kế hoạch kinh doanh.  - Phân công người theo dõi tiến độ thực hiện từng công việc.  - Thường xuyên kiểm tra đánh giá mức độ thực hiện.  ***3. Tìm kiếm và huy động vốn kinh doanh***.  - Vốn của chủ doanh nghiệp.  - Vốn do các thành viên đóng góp.  - Vốn vay.  - Vốn của người cung ứng cho DN | \* Hoạt động 1: Tìm hiểu tổ chức hoạt động KD.  + Đặc trưng cơ bản của tổ chức DN là gì?  + Ưu điểm của DN có mô hình cấu trúc đơn giản?  + Phân chia nguồn lực là phân chia những vấn đề gì?  + DN có thể huy động vốn KD từ những nguồn nào? |  |
| **II. Đánh hiệu quả KD của DN**.  ***1. Hạch toán kinh tế***.  a. KN:  - Là việc tính toán chi phí và kết quả KD của DN.  b. Ý nghĩa.  - Giúp chủ doanh nghiệp có biện pháp điều chỉnh hđ kd phù hợp.  c. Nội dung hạch toán 1. Kiến thức: của DN.  - Xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận KD.  d. Phương pháp xác định doanh thu của DN (sgk)  ***2. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả KD của DN****.*  a. Doanh thu.  b. Lợi nhuận.  c. Mức giảm chi phí.  d. Tỉ lệ sinh lời.  e. Các chỉ tiêu khác.  **III. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả KD của DN**.  1. Xác định cơ hội KD phù hợp.  2. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.  3. Đổi mới - Cá nhân kinh doanh.  4. Tiết kiệm chi phí. | ***\* Hoạt động 2: Đánh giá hiệu quả KD của DN***.  - Hạch toán kinh tế là gì?  - Có ý nghĩ gì?  - Nội dung của hạch toán kinh tế là gì? |  |